

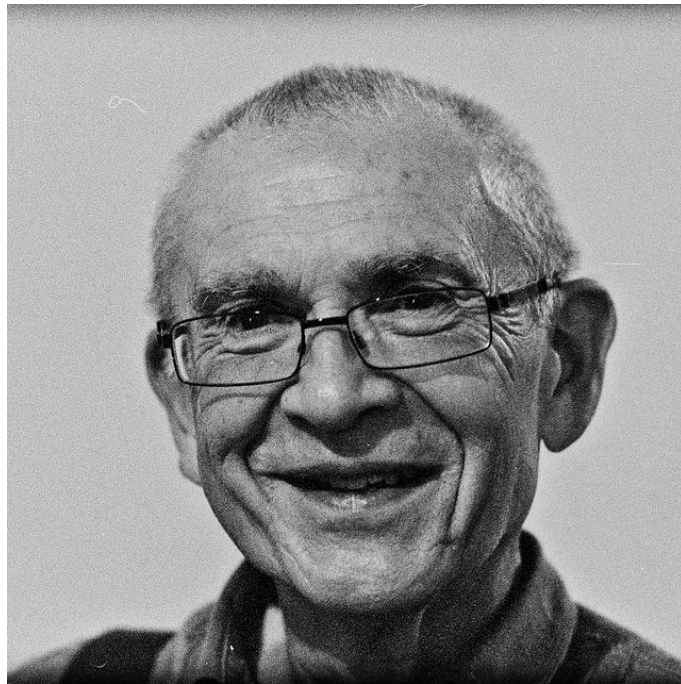
Hội Toán Học Việt Nam



THÔNG TIN TOÁN HỌC

Tháng 3 Năm 2023

Tập 27 Số 1



THÔNG TIN TOÁN HỌC

Newsletter of the Vietnamese Mathematical Society

TỔNG BIÊN TẬP

ĐOÀN TRUNG CƯỜNG, Viện Toán học, Viện
HLKHCN Việt Nam (dtrucuong@math.ac.vn)

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

NGUYỄN THỊ LÊ HUƠNG, Hội Toán học Việt Nam
(ntlhuong@viasm.edu.vn)

THƯ KÝ

NGUYỄN ĐĂNG HỢP, Viện Toán học, Viện HLKHCN
Việt Nam (ngdhop@gmail.com)

BAN BIÊN TẬP

NGÔ QUỐC ANH, ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG
Hà Nội (bookworm_vn@yahoo.com)

PHAN THỊ HÀ DƯƠNG, Viện Toán học, Viện
HLKHCN Việt Nam (phanhaduong@math.ac.vn)

NGUYỄN ĐĂNG HỒ HẢI, ĐH Khoa học, ĐH Huế
(ndhohai@yahoo.com)

NGÔ HOÀNG LONG, ĐH Sư phạm Hà Nội
(ngolong@hnue.edu.vn)

ĐỖ ĐỨC THUẬN, ĐH Bách khoa Hà Nội
(ducthuank7@gmail.com)

NGUYỄN CHU GIA VƯỢNG, Viện Toán học, Viện
HLKHCN Việt Nam (ncgvuong@math.ac.vn)

Bìa 1. Nhà toán học lớn Yuri Manin (1937–2023).
Ảnh: Altrechon.

THỂ LỆ GỬI BÀI

Bài viết bằng tiếng Việt. Tất cả các bài, thông tin về sinh hoạt toán học ở các khoa (bộ môn) toán, về hướng nghiên cứu hoặc trao đổi về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy đều được hoan nghênh. Bản tin cũng nhận đăng các bài giới thiệu tiềm năng khoa học của các cơ sở cũng như các bài giới thiệu các nhà toán học.

Bài viết xin gửi về tòa soạn theo địa chỉ email của một trong các biên tập viên, hoặc địa chỉ bưu điện ở trên. Nếu bài được đánh máy tính, xin gửi kèm theo file với phông chữ unicode. Tòa soạn khuyến khích các tác giả sử dụng chương trình soạn thảo Latex và gói tiếng Việt vntex.

ĐỊA CHỈ BƯU ĐIỆN

Bản tin **Thông Tin Toán Học**,
Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học
và Công nghệ Việt Nam,
18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy,
10307 Hà Nội

© Hội Toán Học Việt Nam

BẢN ĐIỆN TỬ CỦA TẤT CẢ CÁC SỐ TẠP CHÍ
CÓ THỂ TRUY CẬP TỪ TRANG MẠNG CỦA
HỘI TOÁN HỌC VIỆT NAM
www.vms.org.vn

Các báo cáo mời tại Hội nghị Toán học toàn quốc lần thứ X

Hội Toán học Việt Nam

Hội nghị Toán học toàn quốc lần thứ X được tổ chức từ 8-12/8/2023 tại Trường đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Đây là hoạt động quan trọng nhất của Hội Toán học Việt Nam, tổ chức 5 năm một lần. Chương trình của hội nghị gồm:

- Hội nghị Toán học toàn quốc lần thứ X: gồm các báo cáo khoa học toàn thể và các báo cáo tiểu ban.

- Đại hội đại biểu Hội Toán học Việt Nam: Thứ Năm, ngày 10/08/2023.

Dưới đây là danh sách các nhà toán học được mời đọc báo cáo tại phiên toàn thể và tại các tiểu ban của hội nghị.

Báo cáo mời toàn thể

- Đinh Tiến Cường, Đại học Quốc gia Singapore
- Đinh Dũng, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Nguyễn Văn Hoàng, Trường Đại học FPT
- Đoàn Thái Sơn, Viện Toán học - Viện HLKH&CN Việt Nam
- Phạm Tiến Sơn, Trường Đại học Đà Lạt
- Nguyễn Duy Tân, Đại học Bách khoa Hà Nội
- Vũ Hà Văn, Đại học Yale, Mỹ

Báo cáo mời tiểu ban

TB1. Đại số - Lý thuyết số

- Mai Hoàng Biên, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP Hồ Chí Minh
- Đoàn Trung Cường, Viện Toán học - Viện HLKH&CN Việt Nam
- Lê Thanh Hiếu, Trường Đại học Quy Nhơn
- Trần Quang Hóa, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

- Trần Giang Nam, Viện Toán học - Viện HLKH&CN Việt Nam
- Trương Công Quỳnh, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
- Phan Thanh Toàn, Trường Đại học Tôn Đức Thắng

TB2. Hình học - Tô pô

- Nguyễn Thế Cường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG Hà Nội
- Bùi Mạnh Hùng, Đại học Manchester, Anh
- Nguyễn Hữu Kiên, Đại học Caen, Pháp
- Nguyễn Xuân Việt Nhân, Trường Đại học FPT - Đà Nẵng
- Võ Ngọc Thiệu, Trường Đại học Tôn Đức Thắng
- Đinh Sĩ Tiếp, Viện Toán học - Viện HLKH&CN Việt Nam
- Huỳnh Đình Tuân, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

TB3. Giải tích

- Đào Văn Dương, Trường Đại học Xây dựng miền Trung, Phú Yên
- Phạm Việt Hải, Đại học Bách Khoa Hà Nội
- Nguyễn Xuân Hồng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Võ Hoàng Hưng, Trường Đại học Sài Gòn
- Dương Ngọc Sơn, Trường Đại học Phenikaa
- Đỗ Hoàng Sơn, Viện Toán học - Viện HLKH&CN Việt Nam
- Phùng Trọng Thực, Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQG TP Hồ Chí Minh



HÌNH 1. Các báo cáo mời toàn thể tại Hội nghị THTQ 2023, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới: Đinh Tiến Cường, Đinh Dũng, Nguyễn Văn Hoàng, Đoàn Thái Sơn, Phạm Tiến Sơn, Nguyễn Duy Tân, Vũ Hà Văn.

TB4. Phương trình vi phân và Hệ động lực

- Nguyễn Tiến Dũng, Đại học Toulouse 3, Pháp
- Lê Văn Hiện, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Lê Trung Hiếu, Trường Đại học Đồng Tháp
- Nguyễn Thị Hoài, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG Hà Nội
- Trần Quân Kỳ, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

- Hoàng Thế Tuấn, Viện Toán học - Viện HLKH&CN Việt Nam

TB5. Toán rời rạc và Cơ sở toán học của Tin học

- Huỳnh Thanh Bình, Đại học Bách khoa Hà Nội
- Nguyễn Hữu Hội, Đại học Ohio State, Mỹ
- Lê Minh Huy, Trường Đại học Văn Lang
- Vũ Văn Khu, Đại học Quốc gia Singapore

- Nguyễn Hùng Sơn, Đại học Warsaw, Ba Lan
- Phạm Văn Thắng, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG Hà Nội
- Trần Mạnh Tuấn, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Trung Quốc

TB6. Tối ưu và Lý thuyết điều khiển

- Dương Thị Việt An, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên
- Đặng Hải Long, Trường Đại học Tiền Giang
- Phan Thanh Nam, Trường Đại học Quy Nhơn
- Trần Thái An Nghĩa, Đại học Oakland, Mỹ
- Vũ Hữu Như, Trường Đại học Phenikaa
- Trần Đình Quốc, Đại học North Carolina, Mỹ
- Nguyễn Văn Tuyên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

TB7. Xác suất - Thống kê - Khoa học Dữ liệu

- Hoàng Văn Hà, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh
- Cấn Văn Hảo, Viện Toán học - Viện HLKH&CN Việt Nam
- Ngô Hoàng Long, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Nguyễn Ngọc Như, Đại học Rhode Island, Mỹ
- Lê Hồng Phương, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG Hà Nội
- Lê Văn Thành, Trường Đại học Vinh

TB8. Giải tích số và Ứng dụng Toán học

- Đào Huy Cường, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
- Đặng Văn Hiếu, Trường Sĩ quan Không quân

- Vũ Thái Luân, Đại học Mississippi State, Mỹ
- Phan Thành Nam, LMU Munich, Đức
- Hồ Phạm Minh Nhật, Đại học Texas, Austin, Mỹ
- Hoàng Mạnh Tuấn, Trường Đại học FPT

TB9. Giảng dạy và Lịch sử Toán học

- Trần Dũng, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
- Trần Nam Dũng, Trường Phổ thông Năng khiếu - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh
- Lê Mậu Hải, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Hà Huy Khoái, Trường Đại học Thăng Long
- Trần Kiên Minh, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
- Hoàng Xuân Phú, Viện Toán học - Viện HLKH&CN Việt Nam
- Đỗ Đức Thái, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

TB10. Phương trình Đạo hàm riêng

- Đào Nguyên Anh, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Đào Tuấn Anh, Đại học Bách khoa Hà Nội
- Tăng Quốc Bảo, Đại học Graz, Áo
- Trần Trọng Hiền, Đại học North Carolina State, Mỹ
- Trần Vĩnh Hưng, Đại học Wisconsin-Madison, Mỹ
- Trần Đình Kế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Dương Giao Kỳ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Nguyễn Lê Lực, Đại học Oxford, Anh
- Nguyễn Trung Thành, Đại học Rowan, Mỹ
- Nguyễn Trọng Toán, Đại học Penn State, Mỹ

Tạp chí *Vietnam Journal of Mathematics*: Thành tựu và thách thức

Lê Tuấn Hoa⁽¹⁾

Tạp chí *Vietnam Journal of Mathematics* (VJM) của Hội Toán học Việt Nam ra đời năm 1973 với tên tiếng Việt là *Tạp chí Toán học*. GS. Lê Văn Thiêm là tổng biên tập. Các năm 1984 – 1990, GS. Hoàng Tụy đảm nhiệm chức trách đó. Thời kì đó, các bài báo được đăng bằng tiếng Việt.



GS. Đinh Văn Huỳnh. Ảnh: Đại học Ohio.

Khi nhận chức trách tổng biên tập vào giữa năm 1990, GS. Đinh Văn Huỳnh chủ trương quốc tế hoá. Do vậy, trong giai đoạn 1991 – 1994, ngoài tên tiếng Việt, tạp chí còn có tên tiếng Anh “*Journal of Mathematics*” và nhận đăng cả bằng tiếng Việt lẫn tiếng Anh. Để hợp lí hơn, năm 1995, tạp chí chính thức đổi thành tên *Vietnam Journal of Mathematics* và chỉ nhận đăng bài bằng tiếng Anh.

Mục đích đổi ngôn ngữ xuất bản là để nâng cao chất lượng và mở rộng giao lưu quốc tế. Điểm lại quá trình phát triển gần 30 năm qua chúng tôi cách tiếp cận này hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, mong muốn là một chuyện, biến thành thực tế là một con đường đầy chông gai, trắc trở. Các hội đồng biên tập trăn trở, dành nhiều thời gian, biện pháp để nâng cao chất

lượng tạp chí. Một trong những giải pháp cốt yếu là cộng tác với một nhà xuất bản có uy tín của nước ngoài. Lãnh đạo tạp chí đã quyết định chọn nhà xuất bản Springer. Việc hợp tác này không hề dễ dàng và đã trải ra hai giai đoạn. Giai đoạn đầu kéo dài 4 năm, từ 1997 đến 2000. GS. Nguyễn Khoa Sơn làm tổng biên tập từ năm 1999 đến năm 2010. Việc hợp tác với Springer đã đem đến một cơ hội mới. Tác giả nước ngoài biết đến VJM, và tỷ lệ bài báo có đồng tác giả là nước ngoài có xu hướng tăng dần; từ khoảng 30% trong các năm 1997 – 2005 tăng thành trên 50% trong các năm 2006 - 2010, xem Bảng 1.



GS. Nguyễn Khoa Sơn. Ảnh: Hội Hàng không – Vũ trụ Việt Nam.

Từ tháng 8/2011, lãnh trách nhiệm tổng biên tập, GS. Hoàng Xuân Phú đã đặt ngay nhiệm vụ khôi phục hợp tác với NXB Springer theo một hợp đồng chặt chẽ hơn, để đảm bảo có thời gian hợp

⁽¹⁾Viện Toán học, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam. Địa chỉ email: lthoa@math.ac.vn.

tác lâu dài. Mục đích duy nhất của tạp chí trong thời điểm này là nâng cao chất lượng về mọi mặt: từ khâu tổ chức, thu hút, xét duyệt bài đến in ấn (xuất bản). Nhưng trên hết, là nâng cao chất lượng công bố. Tất cả các việc kể trên đều khó, nhưng có những việc giải quyết được nhanh, còn có những việc phải mất rất nhiều thời gian công sức. Mà những việc này phải làm ngay, làm độc lập với việc đàm phán với NXB Springer.

Trước hết là việc mời Hội đồng biên tập (HĐBT). Trước đó, HĐBT gồm 1 tổng

biên tập và 3 phó tổng biên tập người Việt. Khi nhận nhiệm vụ, GS. Hoàng Xuân Phú giảm cơ cấu xuống còn 2 phó tổng biên tập (hầu hết các tạp chí quốc tế có uy tín cao không có chức vụ này). Tuy nhiên số thành viên tăng từ 29 (với 19 người Việt Nam trong nước và 2 ở nước ngoài) lên 52. Không những thế, số thành viên là người Việt Nam giữ nguyên (gồm 18 người trong nước và 3 người nước ngoài), số thành viên nước ngoài tăng hơn hẳn: 31 (chiếm gần 60%). Ban BT trở nên quốc tế hơn.

BẢNG 1. Tỷ lệ bài có đồng tác giả nước ngoài trên tổng số bài (* là năm có thêm số đặc biệt – special issue (SI); và trong ngoặc là số liệu không tính SI).

Năm	Số bài có tác giả NN/Tổng số bài	Năm	Số bài có tác giả NN/Tổng số bài
1997	11/37	2004*	40/63 (21/44)
1998	8/39	2005*	22/54 (17/45)
1999	13/36	2006	22/42
2000	10/35	2007	28/43
2001	10/32	2008	23/39
2002*	(27/48) 15/36	2009	12/36
2003	17/47	2010	22/40

Trong hơn 10 năm, HĐBT luôn có sự thay đổi, nhưng không lớn. Đến nay, HĐBT gồm 59 nhà toán học, trong đó chỉ có 12 người làm việc trong nước, và 3 người Việt nữa làm việc ở nước ngoài. Số thành viên nước ngoài là 44, chiếm gần 75%, đến từ 16 nước. Trong số này, có 4 nhà toán học được Giải thưởng Fields (S. Mori — 1990, E. Zelmanov — 1994, N.B. Châu — 2010 và C. Birkar — 2018), một giải Abel (L. Lovász — 2021) và một giải Gauss (S. Osher — 2014). Ba cựu Chủ tịch Liên đoàn Toán học Quốc tế (IMU), 3 Tổng thư ký IMU (trong đó có tổng thư ký nhiệm kỳ 2023 — 2026) và

1 cựu Phó chủ tịch IMU tham gia HĐBT. Chưa kể có 3 thành viên giữ các trọng trách cao nhất của Liên đoàn Toán học Châu Âu. Rõ ràng HĐBT của tạp chí là rất mạnh.

Thời gian xuất bản. Có nhiều lý do làm cho việc xuất bản một số cụ thể của tạp chí bị trễ, có khi kéo dài cả năm. Việc thiếu bài đăng được đưa lên hàng đầu, nhưng có những lý do khác như thiếu nhân lực, thiếu kinh phí, in ấn bị chậm, v.v. Chẳng thế mà trong thời gian cao điểm của dịch Covid-19, rất nhiều tạp chí bị chậm trễ. Đây là vấn đề được NXB Springer lưu ý đầu tiên, khi bàn với ban

lãnh đạo của tạp chí về mục tiêu nâng cao uy tín, hướng tới vào danh sách ISI hay Scopus. Riêng đối với VJM, khoảng thời gian 2006 — 2011, việc chậm khoảng 3 tháng là thường xuyên. Để khắc phục tình trạng này, một mặt phải tăng đáng kể số lượng gửi đăng (vấn đề sẽ được đề cập ở dưới), mặt khác phải thay đổi quy trình xử lý bài, vừa chuẩn hoá, nhưng theo phương pháp cuốn chiếu; nghĩa là bài nào đã được nhận đăng thì tổ chức biên soạn, hiệu đính tiếng Anh và đưa vào định dạng của tạp chí, để khi được xếp số thì đỡ mất thời gian. Ngay từ ngày đầu nhận nhiệm vụ, GS. Hoàng Xuân Phú đã đặt yêu cầu nhanh chóng đưa việc xuất bản mỗi số vào tháng cuối cùng của quý. Điều này đã trở thành hiện thực ngay từ năm 2012. Không dừng lại ở đó, GS. Phú tiếp tục yêu cầu phải xuất bản vào tháng đầu của quý. Từ năm 2020, điều này đã được thực thi. Việc xuất bản sớm thêm 2 tháng này góp phần nào vào việc tăng thống kê số lần trích dẫn tức thời - tức trong hai năm cuối.



GS. Hoàng Xuân Phú. Ảnh: Trang cá nhân tại Đại học Heidelberg.

Chuẩn hoá xử lý bài. Từ khi ký hợp tác với NXB Springer vào năm 2012 và đi vào thực tế năm 2013, tất cả các việc: gửi bài, phân phản biện, trao đổi với tác

giả/phản biện,... đều qua hệ thống xử lý của NXB Springer – và đương nhiên mọi thông tin đều được Springer lưu trữ và phân tích, đánh giá! Điều này không cho phép HĐBT hay phản biện ưu ái hoặc nhận xét hời hợt bài nọ bài kia. Ngay Springer và hệ thống báo chí thế giới cũng cải tiến dần để nâng cao số trích dẫn, nhằm nâng cao uy tín của từng tạp chí mà họ sở hữu. Chẳng hạn, trước đây một trích dẫn trước khi có bản chính thức (có số tập, số trang), thì lần trích dẫn đó bị mất — theo nghĩa không được thống kê. Bây giờ người ta đưa số DOI (mã định danh tài liệu số) vào, và khi bài báo được nhận đăng, được đưa lên dạng on-line với số DOI cố định, thì mọi trích dẫn được lưu! Có những tạp chí đăng on-line có DOI trước cả năm. Thế nhưng, với những tạp chí tiếp tục in bản giấy, thống kê số lần trích dẫn tức thời (2 năm) vẫn chỉ tính từ ngày được in chính thức. Như vậy, thay vì tính trích trong 2 năm, trên thực tế có thể là 3 năm (tức lúc bài báo còn trong “bụng”), và số lần được trích có khả năng được tăng lên đáng kể, nhất là trong Toán.

Thu hút bài. Đây là vấn đề sống còn đối với một tạp chí, đặc biệt là tạp chí có uy tín. Không chỉ đơn thuần là tăng về số lượng, mà phải tăng số bài có chất lượng. Với người làm công tác xuất bản, sẽ dễ thấy một quy tắc thuận nghịch. Tạp chí tốt sẽ có nhiều bài tốt được gửi đăng, ít bài kém. Tạp chí chưa tốt thì ít bài gửi đăng, mà trong số đó lại nhiều bài kém, thậm chí là bài rởm. Đây là một vấn đề nan giải đối với VJM. Làm sao để tăng số bài tốt khi mà vào năm 2012, VJM thậm chí còn chưa được đưa vào xếp hạng? Hãy xem số liệu các bài gửi đăng trước năm 2013 ở Bảng 2 sẽ thấy rõ tình hình.

Trong thời đại thông tin nở rộ và việc “máy hoá” đánh giá thông qua vô vàn

bảng xếp hạng từ SCI-E, SCI, đến Q1, Q2,..., đến vô vàn chỉ số trích dẫn như IF, H,...; lại cộng thêm hàng loạt “tạp chí” ra đời cũng trong các bảng xếp hạng hẫ hoi, nhưng mục đích duy nhất chỉ là để kiếm tiền và do đó sẵn sàng mời chào in “bài” (tôi để trong ngoặc kép vì không xem chúng là các tạp chí khoa học thực sự), thì vấn đề thu hút bài tốt càng nan

giải. Đây là chuyện không mới. Hai tạp chí của ta là *Acta Mathematica Vietnamica* và *Vietnam Journal of Mathematics* đã nhiều lần tìm bàn giải pháp, song cũng chưa có đột phá nào tính đến năm 2012. Việc kêu gọi các nhà toán học Việt Nam đóng góp bài cũng luôn được đề cập đến, ít ra từ thời tôi tốt nghiệp đại học, song cũng chẳng thay đổi được bao nhiêu tình hình.

BẢNG 2. Tỷ lệ nhận đăng

Năm	Số bài xử lý*/Số nhận đăng/Tỷ lệ	Năm	Số bài xử lý*/Số nhận đăng/Tỷ lệ
2006	65/36/55%	2015	236/45/19%
2007	71/40/56%	2016	189/44/23%
2008	72/36/50%	2017	222/35/16%
2009	80/45/56%	2018	258/59/23%
2010	64/28/44%	2019	231/51/22%
2011	87/29/33%	2020	327/98/30%
2012	120/44/37%	2021	221/55/25%
2013	159/54/34%	2022 (đến tháng 8)	180/49/27%
2014	237/78/33%		

*Trong 1 năm, số bài xử lý có thể sai khác so với số bài gửi đăng. Nhưng tính trong khoảng 2-3 năm thì gần như nhau.

Vậy phải làm thế nào để tăng số lượng bài gửi đến? Trong trường hợp của VJM, việc ký kết với NXB Springer chính là biện pháp đầu tiên. Việc quốc tế hoá thật sự, thông qua một NXB có uy tín cao như vậy, là một tiền đề thuận lợi. Tuy nhiên lần hợp tác đầu tiên với NXB Springer (1997 – 2000), đã chứng tỏ rằng, sự hợp tác chỉ tạo được một môi trường tiềm năng, nhưng để phát huy được nó, thì cần nhiều nỗ lực đặc biệt khác. Sau khi bàn bạc cùng thường trực HĐBT, tổng biên tập đã thấy cách cơ bản nhất trong giai đoạn đầu là trực tiếp mời các chuyên gia giỏi gửi bài. Một trong những cách làm là tổ chức

in các tuyển tập công trình của các hội nghị/hội thảo. Tuy nhiên, cách này không ổn lắm, nhất là trong điều kiện nước ta, vì hai lý do chính sau:

- Muốn có tuyển tập tốt thì phải có nhiều nhà toán học giỏi tham dự hội nghị. Tạp chí của ta chưa có uy tín, thì may ra chỉ có thể đăng được tuyển tập hội nghị tổ chức tại nước ta. Với tình hình tài chính của ta, cộng với nền toán học chưa mạnh và cách trở về địa lí, ai cũng thấy đây là điều rất rất khó thực hiện.

- Cái kỹ xảo đăng tuyển tập công trình để tăng số lượng bài được nhiều tạp chí áp dụng. Từ lâu đã có dư luận là bài gửi

đăng tuyển tập thường dễ được nhận, vì khâu phản biện ở đó thường không nghiêm lắm. Kết quả là chất lượng tạp chí cũng khó được nâng lên, và thậm chí là một chỉ dấu để bị đánh giá thấp đi khi đăng kí xét nâng hạng!

Do vậy tổng biên tập VJM đã định hướng xuất bản các số đặc biệt mang tính chủ đề, chứ không phải đặc biệt để dễ đăng. Thậm chí hoàn toàn ngược lại: độ khó của các số đặc biệt tăng lên. Vì sao? Vì để được gửi bài vào các số này, thì tác giả phải được mời! Nhưng sau khi được mời rồi, thì bài báo gửi đăng vẫn phải được phản biện nghiêm ngặt: thường chúng được gửi cho 2-3 chuyên gia trong ngành để đánh giá. Do vậy, tuy ít, nhưng vẫn có một số bài mời bị từ chối nhận đăng.

Các định hướng trên nghe có vẻ vô lí, vì chúng mâu thuẫn, triệt tiêu nhau. Làm sao mời được người giỏi gửi bài? Làm sao mời được phản biện giỏi? Có lịch sự không khi đã mời, còn từ chối? Làm sao duy trì được hoạt động xuất bản như vậy lâu dài? Hàng loạt câu hỏi đặt ra. Với mỗi câu hỏi, mà cứ tìm cách trả lời rồ ráo thì sẽ thấy phức tạp vô cùng và chỉ có cách rút lui. Nhưng GS. H.X. Phú không phải là người như vậy. Bằng uy tín khoa học (Giáo sư hiện là viện sĩ của 3 Viện hàn lâm khoa học của CHLB Đức và là viện sĩ Viện Hàn lâm thế giới vì tiến bộ khoa học của các nước đang phát triển – TWAS – trước kia gọi là Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới thứ ba), và mối quan hệ quốc tế rộng rãi, ông đã đặc biệt thành công trong việc tổ chức ra các số đặc biệt. Phần lớn các số đặc biệt này có chủ đề chính là hướng nghiên cứu của một chuyên gia lớn trong một ngành; và như vậy thường là phải nhân dịp kỉ niệm ngày sinh của chuyên gia đó. Riêng việc thuyết phục họ

đồng ý chấp thuận cho đăng số kỷ niệm đã là rất khó. Đó có thể xem là một hành động thiện chí ủng hộ VJM. Đương nhiên, nếu tổ chức được một số đặc biệt có chất lượng thực sự tốt, thì cũng là một kỷ niệm tuyệt vời cho bản thân người đó. Tổ chức thành công một số lại là tiền đề cho số tiếp theo. GS. H.X. Phú đã rất thành công trong việc chèo lái VJM đi theo con đường xoắn ốc này.

Nhờ vậy, số bài gửi đăng từ năm 2014 đã tăng lên đáng kể (xem Bảng 2), và nhanh chóng đạt con số bình quân khá ổn định là khoảng 250 bài mỗi năm. Tham gia xuất bản kỉ niệm sinh nhật chuyên gia đầu ngành, thì người được mời viết bài cũng thấy hãnh diện, sẽ cố gắng lựa chọn bài tốt để gửi. Người được mời nhận xét thấy bài của chuyên gia giỏi cũng hứng thú hơn, để đồng ý nhận làm phản biện, đồng thời cũng cảm nhận được nghĩa vụ lớn trong việc đánh giá thực sự nghiêm túc và khách quan. Vì ai ai cũng hiểu và cố gắng có một số kỉ niệm xứng đáng! Người bị từ chối vì vậy cũng không đến nỗi bức mình!

Số lượng xuất bản. Như vậy, từ năm 2014, vấn đề tăng số bài, đặc biệt là bài tốt, không còn quá nan giải. Không những thế, số lượng bài được nhận đăng (xem Bảng 2) và số trang (xem Bảng 3) lại tăng lên liên tục. Tỷ lệ bài được nhận đăng so với giai đoạn trước đó đã giảm đi rất nhiều, xuống còn khoảng 25% (xem Bảng 2).

Tỷ lệ nhận đăng 25% vẫn còn là rất cao nếu VJM muốn trở thành một tạp chí có uy tín cao. Đây là điều mà NXB Springer – đối tác xuất bản của Viện Hàn lâm KH & CN VN - nhiều lần lưu ý thường trực HĐBT. Con số lý tưởng là dưới 10%. Với tạp chí rất uy tín, con số nhận đăng chỉ khoảng 5%.

BẢNG 3. Số trang xuất bản hàng năm của VJM

Năm	Số trang	Năm	Số trang
2007	570	2015	828
2008	478	2016	892
2009	549	2017	762
2010	496	2-18	1114
2011	500	2019	954
2012	526	2020	1003
2013	542	2021	1380
2014	612	2022	1079

BẢNG 4. Số lượt bài được tải về của VJM

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượt bài tải về	18 275	12 114	15 198	16 781	21 754	35 912

Nhìn vào sự tăng trưởng số trang, dễ dàng đặt ra câu hỏi: Tại sao không giảm đi 40 – 50% số trang in, như thế VJM vẫn đạt định mức số trang phải xuất bản hàng năm, mà có khi tỉ lệ nhận đăng sẽ chỉ còn 10 – 15%, tức gần đạt mức của tạp chí có uy tín? Sự thực không đơn giản như vậy vì các lý do sau đây:

- Do tuyệt đại đa số các bài gửi đăng các số đặc biệt có chất lượng tốt (chứ không phải hệ quả của sự dễ dãi), không thể và không nên từ chối. Nếu chỉ tính các bài tác giả tự gửi thì tỷ lệ nhận đăng

chỉ khoảng 10%. Trong giai đoạn 2018 — 2022, số bài mời chiếm gần 67% với số lượng trang 73% - và dĩ nhiên là những bài tốt nhất của tạp chí.

- Nếu giới hạn số bài nhận đăng chung xuống dưới 15%, thì tỷ lệ nhận đăng số bài tác giả tự gửi chỉ còn 2-3%. Điều này đồng nghĩa với việc từ bỏ nguồn tự gửi (chẳng ai còn gửi bài khi hầu như chắc chắn sẽ bị từ chối), và khi tạp chí không còn xuất bản được các số đặc biệt thì sẽ sụp đổ.

BẢNG 5. Xếp hạng tạp chí theo Scimago – Scimago Journal Rank (SJR)

Năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
SJR	0,271	0,216	0,322	0,280	0,227	0,375	0,443	0,409
Phân hạng của Scimago	Q3	Q4	Q3	Q3	Q3	Q3	Q2	Q2

Đánh giá chất lượng tạp chí. Khi viết ở trên, tôi có ý không tán dương chuyện xếp hạng hay đề cao các loại chỉ số. Nhưng khách quan mà nói, kiểu đánh giá

máy móc như vậy nhiều khi cũng cho những thông tin bổ ích nhất định. Nếu chúng vô dụng hoàn toàn, chắc chẳng ai quan tâm, và các chỉ số như vậy không

thể tồn tại lâu. Cho nên, chúng ta tạm gác lại tranh luận về tính hữu ích của các chỉ số trích lượng thư mục, và tạm chấp nhận chúng để có cách nhìn sơ qua về chất lượng tạp chí VJM.

- Về số lượt bài được tải về, xem Bảng 4. Chú ý rằng các thống kê ở bảng này được Springer thống kê vào đầu năm 2022, và dĩ nhiên luôn thay đổi theo thời gian. Nếu lấy năm cao nhất là năm 2021, thì số lượt bài được tải về khá cao, thậm chí cao hơn với nhiều tạp chí đa ngành trong danh sách SCI-E.

- VJM được vào danh sách SCOPUS từ tháng 10/2013.

- Tạp chí được vào danh sách E-SCI từ tháng 1/2017.

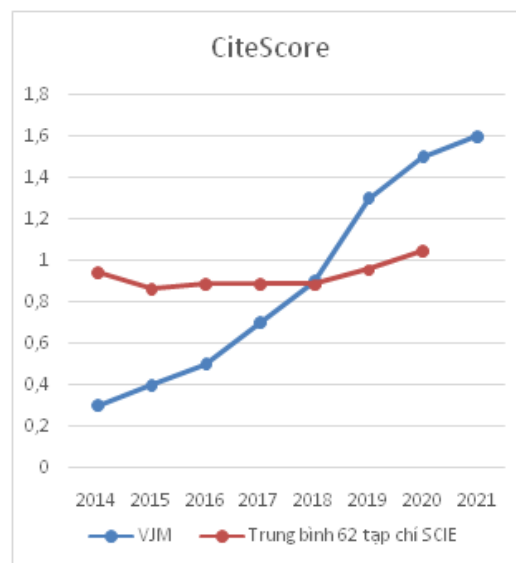
- Từ rất sớm, ngay khi còn xuất bản bằng tiếng Việt, VJM luôn được Mathematical Reviews - với phiên bản điện tử MathSciNet - điểm bài thường xuyên. Trong số các danh sách được điểm bài, MathSciNet còn có một danh sách chọn lọc các tạp chí, được gọi là Reference List Journals (RLJ) – chỉ khoảng 3000 tạp chí. Điều quan trọng hơn, MathSciNet chỉ thống kê các trích dẫn trong RLJ, đồng nghĩa với việc vào được danh sách này thì uy tín tạp chí trong MathSciNet tăng lên đáng kể. Từ tháng 10/2018, VJM được đưa vào danh sách này.

- Xếp hạng Scimago: xem Bảng 5.

Tỷ lệ số lần trích dẫn trên số bài công bố (tức là CiteScore của Scopus) của tạp chí tăng dần, từ 0,3 vào năm 2014 lên 1,6 vào năm 2021 (xem Biểu đồ 6). Năm 2021, VJM đứng ở vị trí thứ 140 trong tổng số 368 tạp chí đa ngành, cao hơn khá nhiều tạp chí trong danh sách SCI-E.

- Chỉ số trích dẫn 2 năm IF (tức là Impact Factor của Web of Science thuộc Clarivate Analytics (CA)) tăng từ 0,367 vào năm 2015 thành 0,944 vào năm

2020. Chú ý rằng, do VJM chưa vào SCI-E, nên không có thông tin về IF của CA, mà đây là con số Springer tính và báo cho VJM.



Biểu đồ 6: Chỉ số CiteScore.

Một số kết luận. Nhìn vào các thống kê nêu ở trên, chúng ta có thể rõ trong thời gian hơn 10 năm qua, tạp chí VJM đã có những bước tiến vượt trội, với chất lượng tăng lên rõ ràng, vượt cả dự kiến của nhiều người. Với sự tăng tiến đó, thường trực HĐBT đã tưởng mục tiêu vào danh sách tạp chí SCI-E sẽ đạt một khi VJM vươn lên nửa trên của Q3 (vì khá nhiều tạp chí SCI-E là phía dưới của Q3). Sự đời ai biết được chữ ngờ. Khi thường trực HĐBT đặt vấn đề với NXB Springer – đơn vị đăng kí cho chúng ta với Clarivate Analytics – thì được biết, bây giờ tiêu chí nhận một tạp chí vào SCI-E là chỉ số JCR của tạp chí đó phải xếp ở nửa trên của chủng loại tạp chí tương ứng – hay nói một cách nôm na là nửa trên của các tạp chí SCI-E cùng chủng loại. Chính xác hơn, chỉ tạp chí có IF lớn hơn giá trị trung vị thì mới được nộp hồ sơ để xem xét đưa vào danh sách SCI-E. VJM đã tiến khá sát ngưỡng này. Trong hai năm 2019 và 2020, giá trị trung vị của IF tạp chí ngành

toán lần lượt là 0.747 và 0.963, thì IF của VJM là 0.725 và 0.944. Năm 2021 IF của VJM có lớn hơn giá trị trung vị hay không thì ta không biết, nhưng năm 2022 Clarivate Analytics – do không có nhân lực – không xét thăng hạng thêm bất cứ tạp chí nào. Vì thế kể cả khi IF của VJM có lớn hơn giá trị trung vị thì cũng không thể nộp hồ sơ xin vào danh sách tạp chí SCI-E.

Cái đích thực sự của mục tiêu vào SCI-E là nâng cao hơn hẳn chất lượng tạp chí. Với cách nhìn này, thành công của VJM trong hơn 10 năm qua là rất mỹ mãn và chúng ta có quyền tự hào về điều đó. Kiên trì con đường này, việc vào SCI-E sớm hay muộn cũng sẽ đạt được. Hơn nữa, không chỉ đạt được mà VJM có đủ khả năng duy trì vị thế một tạp chí thứ hạng cao.

Trong lúc xu hướng quốc tế hoá của VJM thăng hoa, có một điểm đáng buồn là số tác giả Việt Nam gửi bài đăng VJM lại có xu hướng giảm (không phải giảm về tỷ lệ – đó là một điều hợp lý – mà là về số lượng). Chỉ có tín hiệu đáng mừng là tỷ lệ nhận đăng bài gửi từ tác giả người Việt của tạp chí. Nếu chỉ tính số bài tác giả tự gửi, thì tỷ lệ bài của tác giả Việt Nam được nhận đăng rất cao, đạt 56,6% trong giai đoạn 2014 – 2021, trong khi như trên đã chỉ ra, tỷ lệ chung chỉ khoảng 10%. Tỷ lệ cao đạt được không phải nhờ sự ưu ái của HĐBT với tác giả Việt Nam. Theo tôi, đó là vì tác giả Việt Nam có lòng tự trọng cao, sợ bị VJM từ chối, nên thường cẩn thận gửi những bài có chất lượng.

Rất tiếc là dù cơ hội được nhận đăng cao như vậy, nhưng số tác giả Việt Nam gửi bài tới VJM (và cả *Acta Mathematica Vietnamica*) ngày càng giảm. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là gì? Theo tôi có 3 lý do sau:

- Bây giờ ở nhiều cấp quản lý khác nhau, kể cả hành chính lẫn khoa học, chưa nói

đến dư luận xã hội, người ta đề cao cái mác SCI-E. Thế thì hầu hết tác giả cũng phải theo. Dù có chất lượng nào đi nữa, dù là nửa trên Q2 hay vào Q1, chừng nào VJM còn chưa vào SCI-E, chừng đó còn có sự ngần ngại trong việc gửi bài đến VJM.

- Gửi báo nước ngoài, nếu bị từ chối, có thể tự an ủi: tạp chí ta gửi SCI-E, cao hơn hẳn VJM, bị từ chối cũng là thường.

- Một số ít nhà toán học không hiểu lấy số liệu từ đâu lại truyền miệng một thông tin hoàn toàn trái ngược với thực tế là VJM gây khó khăn cho tác giả Việt Nam. Thế là một số ít người còn muốn gửi đăng trên tạp chí cũng bỏ luôn ý định.

Lựa chọn tạp chí phù hợp để công bố là quyền của từng tác giả. Mục đích chân chính là làm sao thông qua công bố, kết quả bài báo sẽ được nhiều người biết đến, đánh giá đúng và được sử dụng (trích dẫn). Tuy nhiên, đã đến lúc cộng đồng Toán học Việt Nam nhận thức rằng *việc gửi bài tốt để đăng VJM không chỉ là trách nhiệm của mỗi thành viên trong cộng đồng, mà còn là niềm tự hào nếu như bài gửi được nhận đăng*. Các cấp quản lý cũng nên có cái nhìn khách quan hơn trong việc đánh giá các tạp chí trong nước: nên xem xét kỹ từng tạp chí cụ thể trên cơ sở kết hợp nhiều loại chỉ số. Không nên tôn sùng một loại chỉ số, và càng không nên đưa tất cả các tạp chí vào cùng một giỏ – cho dù là đề cao hay vô tình coi thường. Làm như vậy, sẽ góp phần tạo nên một môi trường xuất bản thuận lợi hơn cho việc công bố các ấn phẩm khoa học.

Lời kết. Nhiều số liệu của bài viết này dựa báo cáo hàng năm của tạp chí *Vietnam Journal of Mathematics*. Nhân dịp này, tôi muốn thể hiện sự cảm phục đối với những cống hiến của GS. Hoàng Xuân Phú cho tạp chí trên tất cả các phương diện. Nhiệt huyết, thời gian đầu tư là

cần, nhưng nếu người tổng biên tập thiếu những khả năng tuyệt vời để thu hút bài như nêu ở trên, thì tạp chí không thể có kết quả như hôm nay. Rất tiếc là từ năm 2023, GS. Phú đã kiên quyết từ chối tiếp tục cương vị tổng biên tập. Cho nên đây cũng là dịp để HĐBT của VJM cảm ơn sự đóng góp của ông trong suốt những năm vừa qua.

Đóng góp cho thành công của tạp chí cũng không thể không kể đến sự làm việc tỉ mỉ và chính xác của thư kí toà soạn Nguyễn Thị Huệ, cũng như nhiều cá nhân khác, mà tôi xin phép không kể tên ra ở đây, để tránh tạo cảm giác bài viết này là một báo cáo hành chính.

Những kỉ niệm về Việt Nam⁽²⁾

(Phần còn lại)
Lê Dũng Tráng

1. CHUYẾN ĐI THỨ HAI VÀ ĐẠI HỘI VANCOUVER

Mùa hè năm 1972 là một thời gian quan trọng đối với tôi. Cùng với Frédéric Phạm và Teissier, chúng tôi đã tổ chức một hội thảo kéo dài 3 tuần trong một viện nằm trên đảo Corse ở Cargèse. Oscar Zariski, người vừa được mời đến Đại học Bách khoa, Hironaka, Brieskorn và một người Đức khác tên là Herbert Popp đã tham dự hội thảo. Hội thảo càng dễ dàng thành công hơn bởi Corse là một hòn đảo rất xinh đẹp. Napoléon đã được sinh ra trên chính hòn đảo này.

Năm 1972 là một năm đầy kịch tính đối với Việt Nam. Tin rằng thỏa thuận của Mỹ với Trung Quốc cho phép mình làm bất cứ điều gì, Nixon quyết tâm khiến Việt Nam phải cúi đầu. Ông ta bắt đầu cho ném bom miền Bắc Việt Nam từ tháng Sáu và đe dọa phá hủy các con đê sông Hồng. Cuối năm Joan Baez, ca sĩ nổi tiếng người Mỹ, đã đến thăm Hà Nội. Cùng lúc đó máy bay ném bom B-52, loại lớn nhất

thế giới, có khả năng mang trên 30 tấn bom, bắt đầu ném bom Hà Nội. Riêng phố Khâm Thiên chỉ trong một đêm đã bị tàn phá với hơn 270 người chết. Bệnh viện Bạch Mai bị phá hủy và các bác sĩ, y tá và bệnh nhân thiệt mạng. Nhưng người Mỹ gặp phải tên lửa phòng không khi các máy bay B-52 bay cao và pháo phòng không khi chúng bay thấp. Họ mất hơn 30 máy bay B-52.

Trước sự thất bại của cuộc không chiến, Nixon quyết định rút quân Mỹ ra khỏi Việt Nam. Hiệp định Paris được ký kết giữa Henry Kissinger và Lê Đức Thọ vào tháng Giêng năm 1973.

Ngay sau khi hiệp định Paris được ký kết, tôi nhận được một lá thư từ David Mumford, người tôi đã quen biết tại Đại hội Nice năm 1970 và tại Warwick năm 1971. Mumford mời tôi đến thăm Đại học Harvard. Bức thư nói rằng chiến tranh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã kết thúc, vì vậy tôi có thể nhận lời mời này. Tôi đáp lại Mumford bằng cách cảm ơn anh và hứa

⁽²⁾ Nguyễn Đặng Hồ Hải dịch từ nguyên bản tiếng Pháp "Souvenirs du Vietnam", Ban biên tập hiệu đính. Phần đầu của bản dịch đã đăng trên Thông tin Toán học tập 25 (2021) số 3 & 4, trang 1–20.

sẽ suy nghĩ về lời mời. Lúc đó tất cả các trao đổi đều rất chậm và mất thời gian. Liên lạc chủ yếu bằng thư từ và một lá thư giữa Hoa Kỳ và Pháp có thể mất từ năm đến bảy ngày. Ngoài thư từ thì chúng tôi có thể liên lạc bằng điện tín, nhưng chi phí đắt hơn nhiều.

Thực ra tôi biết rằng việc chấp nhận lời mời này khá phức tạp. Trên lý thuyết, chiến tranh giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã kết thúc, nhưng người Mỹ vẫn để lại một chính phủ bù nhìn cùng với một triệu quân. Tôi đợi đến khi về Việt Nam để xem mình có thể làm được gì. Tôi là công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vấn đề của tôi cũng ảnh hưởng đến hàng triệu người khác.

Tôi trở lại Việt Nam vào tháng 9 năm 1973. Tôi bay đến Mátxcova. Thực tế đó là lần cuối cùng tôi đến Mátxcova. Tôi đã gặp Arnold và Manin. Tôi nhắc Manin về lời hứa của ông. Manin nhìn tôi cười. Tôi lại ngồi trên một chiếc máy bay cánh quạt từ Mátxcova về Hà Nội.

Tôi lại được bố trí ở khách sạn Thăng Long nơi tôi đã ở năm trước. Ngay khi đến nơi, tôi đã đến gặp Tạ Quang Bửu và đưa cho ông xem bức thư của Mumford. Ông đọc bức thư. Lúc ấy ông mặc một bộ đồ pyjama. Ông nhắm mắt lại, ngẫm nghĩ rồi một phút nói với tôi:

"Tráng nên đi, việc này chỉ có lợi chứ không có hại."

Chuyến đi đến Hoa Kỳ của tôi đã được quyết định như thế.

Tôi gặp lại nhóm seminar mình đã tổ chức năm trước, nhưng Nguyễn Văn Khuê ở Đại học Sư phạm và Lê Hùng Sơn ở Đại học Bách khoa vì bận việc giảng dạy không tham gia được.

Trong lúc nói chuyện với Hà Huy Khoái, tôi được biết anh đang có ý định đi học ở Liên Xô. Việc anh Khoái quyết

tâm học với Manin, Novikov hoặc Arnold nhắc tôi nhớ lại cuộc thảo luận với Manin và lời hứa của ông. Tôi nghĩ cần kiểm tra năng lực của Khoái trước khi quyết định xem có thể giúp được gì. Tôi đã dành một buổi sáng để hỏi anh Khoái về nhiều phần khác nhau của toán học. Tin chắc rằng Khoái có trình độ toán học tốt, tôi viết thư cho Manin yêu cầu ông giữ lời hứa nhận một nghiên cứu sinh Việt Nam có trình độ tốt được tôi tiến cử. Tôi viết ra những gì tôi biết về trình độ của Khoái. Lê Văn Thiêm sắp đi Mátxcova đưa lá thư của tôi cho Manin và cố gắng thuyết phục ông một lần nữa. Cuối cùng Manin đồng ý nhận Hà Huy Khoái làm tập sự trong một năm. Thế rồi năm năm sau, đến năm 1978, Hà Huy Khoái đã hoàn thành luận án phó tiến sĩ của mình với Manin.

Một sự kiện chấn động đã diễn ra khi Fidel Castro đến thăm Việt Nam năm 1973. Trước đó Castro chưa từng đến Việt Nam. Ông ta đang ở trong một tòa nhà chính phủ đối diện với khách sạn Thăng Long bên kia đường Ngô Quyền. Xe của Fidel Castro đến vào buổi tối. Có thể nhìn thấy rất rõ ràng ông ta đang ngồi ở ghế sau, nhưng trông có vẻ chán nản. Tôi nói với anh Tú, giảng viên một trường đại học nông nghiệp, một nhà toán học tôi gặp ở Mátxcova năm 1969:

"Fidel Castro có vẻ không vui khi ở Việt Nam!"

Vợ anh Tú làm ở báo *Nhân Dân* thì thăm vào tai anh và anh quay sang tôi nói nhỏ:

"Chúng tôi vừa được biết rằng Tổng thống Allende đã chết."

Salvador Allende được bầu làm Tổng thống Chi Lê vào năm 1970. Ông là tổng thống Chi Lê đầu tiên khẳng định mình là người theo Chủ nghĩa Xã hội. Điều này càng gây thêm nỗi khó chịu cho những người Mỹ đã quen với việc kiểm soát mọi

thứ xảy ra ở Mỹ Latinh kể từ tuyên bố của Học thuyết Monroe năm 1823⁽³⁾. Sau khi Fidel Castro giành lại được Cuba, điều này lại càng không thể chấp nhận.

Theo tin chính thức thì Allende đã tư sát, nhưng vẫn có những dấu hiệu cho thấy ông ta bị ám sát. Dù sao, vào buổi tối ngày 11 tháng 9 năm 1973, Fidel Castro, người đặt nhiều hy vọng vào Allende, vừa biết tin ông qua đời.

Thời gian còn lại của tháng Chín, tôi bàn bạc với Lê Văn Thiêm và Tạ Quang Bửu về khả năng tổ chức một hội thảo vào năm 1974 với sự góp mặt của Frédéric Phạm, Bernard Malgrange, Alain Chenciner và tôi.

Lê Văn Thiêm hỏi tôi Việt Nam có thể cử đại biểu đi dự Đại hội Toán học Quốc tế năm 1974 ở Vancouver không. Tôi nói với ông rằng cần phải kiểm thêm tiền tài trợ cho việc tham dự đại hội. Tôi sẽ cân nhắc xem có thể đóng góp được gì.

Vào cuối tháng, tôi lên đường đi Ấn Độ, theo lời mời của Viện Tata. Ở đó tôi tái ngộ với Seshadri và Michael Artin, những người tôi từng gặp ở Warwick. Tôi đã làm một chuyến đi đến Bangalore, nơi có Ramanujam, người tôi cũng biết từ Warwick vào năm 1971. Được gặp anh khiến tôi rất vui. Trên thực tế, một trong những kết quả quan trọng nhất của tôi là trong bài báo viết chung với anh ấy. Tôi không biết tình trạng tinh thần của Ramanujam lại tồi tệ đến vậy, khi chúng tôi đã vừa trải qua một tuần rất vui vẻ cùng nhau trong chuyến thăm miền nam Ấn Độ. Năm sau đó Ramanujam tự sát và điều này khiến tôi rúng động đến nỗi mãi đến năm 2002 tôi mới trở lại Ấn Độ.

Trở lại Paris, tôi làm thủ tục để xin thị thực đi Mỹ. Tôi nhận được thị thực vào đầu tháng Giêng năm 1974. Có vẻ như chính Kissinger là người đã phê duyệt.

Đáng lẽ máy bay của tôi sẽ hạ cánh ở Boston, nhưng có một cơn bão tuyết. Sau đó máy bay đã phải chuyển hướng. Tôi hạ cánh xuống Connecticut, một tỉnh gần Massachusetts, nơi tọa lạc của Boston. Đó là thành phố Hartford, được gọi là thành phố của các công ty bảo hiểm. Sân bay nhỏ. Chỉ có một nhân viên hải quan. Theo luật, tất cả các hành khách phải xác minh thị thực của họ. Khi đến lượt tôi, tôi đưa hộ chiếu và thị thực không có trong hộ chiếu, nhưng ở một tờ giấy bên ngoài. Người nhân viên hải quan xem xét thị thực, hỏi hai ba câu. Khi biết tôi sẽ đến Đại học Harvard, ông bảo mọi thứ đều ổn và gấp tờ giấy thị thực vào hộ chiếu. Nhưng ông phải gấp tờ giấy nhiều lần để nhét nó vào hộ chiếu. Mất kiên nhẫn ông lấy bấm kim ghim luôn thị thực vào hộ chiếu. Tôi vừa được chứng kiến một hành động công nhận nước Việt Nam *thực chất*.

Chúng tôi ở lại sân bay thêm một giờ và rời đi Boston, nơi tôi ngạc nhiên khi bắt gặp Hironaka đang đứng đợi.

Hironaka chở tôi đến nhà của John Mather, học trò của Thom, một giáo sư trẻ ở Harvard và là người tôi đã gặp ở IHES. Mather nổi tiếng với các bài báo về phân loại kỳ dị của các hàm khả vi và đặc biệt là các Định lý đẳng luân Thom-Mather (Théorèmes d'isotopie de Thom-Mather). Với giá 50 đô la một tháng, tôi có thể ở cùng Mather trong một căn phòng nhỏ trên gác mái.

Tôi ở nhà Mather bốn tháng. Ngôi nhà nằm gần ga Central Square nơi băng qua tuyến đường đò của tuyến tàu điện

⁽³⁾Học thuyết Monroe, với sự điều chỉnh của Tổng thống Mỹ Theodore Roosevelt vào năm 1904, nói rằng trong trường hợp có một quốc gia Nam Mỹ hành động sai trái một cách trắng trợn và lặp đi lặp lại, Hoa Kỳ có thể can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia đó (BBT).

ngầm Boston kết nối Harvard và MIT, hai trường đại học lớn ở khu vực Boston.

Việc tôi ở Hoa Kỳ giống như một giấc mơ. Đối với một người mới đến Hoa Kỳ, họ sẽ mong đợi tìm thấy một xã hội giàu có và độc đáo. Tôi không biết có phải mình quá thiên kiến không, nhưng tôi thấy nước Mỹ dường như không quá giàu. Có rất nhiều khu vực giàu có, nhưng để đến được đó người ta phải băng qua những khu vực có vẻ như bị bỏ hoang. Nhà của Mather vì thế nằm ở ranh giới của hai thế giới, một bên giàu, một bên nghèo.

Những ngày đầu tiên tôi gặp Raoul Bott, David Mumford, Oscar Zariski, Georges Mackey, Sigurdur Helgason, Shlomo Sternberg, Garrett Birkhoff. Tất nhiên hầu như mỗi ngày tôi đều gặp Hironaka. Tôi đã tham gia hội thảo về lý thuyết kỳ dị của Zariski.

Georges Mackey đã tổ chức một buổi tiệc chiêu đãi dành cho tôi tại nhà ông. Hầu như tất cả các giáo sư trong khoa đều có mặt ở đó. Tôi nhớ rằng Jane Fonda, nữ diễn viên nổi tiếng, hẳn đã ghé qua Boston. Fonda gọi đến nhà Mackey. Chắc ai đó đã cho cô ta số điện thoại. Tôi đã phải giành giật chiếc điện thoại từ tay Bott, thật thú vị khi được nói chuyện với một minh tinh nổi tiếng. Tôi biết Jane Fonda từ khi ở Paris, khi cô kết hôn với Roger Vadim. Fonda đã đến xem một bộ phim tài liệu trong đó tôi đóng một vai nhỏ. Tôi đã tranh luận với một nhà báo của kênh truyền hình Mỹ CBS, người vẫn kiên quyết gọi Việt Cộng là những người lính của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Bộ phim tài liệu nói về những người Mỹ đào ngũ. Trong khoảng thời gian từ năm 1966 đến 1969, tôi đã cho những người đào ngũ tá túc, vì tôi nghĩ họ sẽ làm sáng tỏ lịch sử của Việt Nam.

Khoa toán của Harvard khá nhỏ và chúng tôi đã gặp tất cả mọi người. Năm đó có Robert MacPherson. Mặc dù MacPherson rất dễ nhận ra vì có dáng người rất cao, tôi đã không gặp anh ở Harvard năm đó mà chỉ gặp trong những dịp sau này. Thầy của anh là Raoul Bott.

Trái ngược với những gì người ta có thể nghĩ, Hoa Kỳ cũng có một bộ máy quan liêu rất nặng nề. May mắn thay, tôi có mối thân quen với bà phó giám đốc Ban đối ngoại của Harvard, Sharon Ladd, người đã giúp tôi hiểu được cả rừng thủ tục hành chính về việc nhập cư ở Mỹ. Trong vòng một tuần, tôi đã có thể hoàn thành tất cả các thủ tục phải làm.

Tôi đã hình thành một thói quen ở đây. Mỗi ngày tôi đều tham dự seminar. Ngày nào tôi cũng ghé qua khoa toán. Vào buổi trưa, tôi ăn một chiếc bánh sandwich ở sảnh của Trung tâm Khoa học, nơi tọa lạc khoa Toán của Harvard. Khi Jean-Pierre Serre đến thăm Harvard, tôi bầu bạn với ông và chúng tôi đi ăn ở một nhà hàng Pháp nhỏ gần đó. Vào buổi tối, tôi ăn ở nhà Mather hoặc ăn ngoài tại một nhà hàng dành cho sinh viên. Tôi đã kết bạn với các nghiên cứu sinh ở Harvard. thỉnh thoảng tôi đến gặp Hironaka, Mumford, Barry Mazur.

Vào cuối tuần, tôi thường đến New York bằng tàu hỏa. Tàu chạy mất 5 giờ và không phải lúc nào cũng đúng giờ. Tôi chạy từ seminar của Zariski kết thúc lúc 4:15 đến Ga phía Nam ngang qua thành phố Boston. Tôi đến vừa kịp lúc để bắt tàu.

Hyman Bass, người tôi thường gặp ở Paris và từng làm quen ở Nice năm 1970, đã cho tôi ở gần Đại học Columbia trong căn hộ của anh.

Tôi không biết làm thế nào người Mỹ biết sự hiện diện của tôi trên đất Mỹ, nhưng tôi nhận được một cuộc điện thoại

mời tôi đến nói chuyện trong một cuộc mít tinh ở New York. Tôi trả lời rằng tôi sẽ đến và nói chuyện nếu cuộc mít tinh không mang tính chất chính trị. Vài ngày trước cuộc họp, một người Việt Nam từ Hội người Việt tại Pháp gọi điện cho tôi và khuyên tôi đừng đi dự cuộc họp này. Vì vậy, tôi ở New York vào cuối tuần sau đó mà không có gì để làm. May mắn thay, tôi đã gặp một người Pháp tôi biết từ Paris, Jean-Pierre Debris. Jean-Pierre bị chính quyền Sài Gòn bắt cùng người bạn André Menras năm 1970 vì phản đối chiến tranh Việt Nam. Jean-Pierre bảo tôi rằng anh nhận thấy chúng tôi đang bị theo dõi. Chúng tôi thích thú với việc tìm cách cắt đuôi người theo dõi trên tàu điện ngầm.

Một dịp cuối tuần tôi ăn trưa với một người cậu khác của mẹ tôi. Ông là em trai của bà ngoại tôi ở Hà Nội. Người ông này đã ở làm việc ở bộ phận chuyên trách về đối ngoại của chính quyền Sài Gòn. Tôi biết ông từ khi còn nhỏ, vì làm lãnh sự ở Luân Đôn, đã 5 năm nay ông đều về đón Tết với chị gái là bà ngoại của tôi. Tôi nhớ mình đã sống một tuần trong biệt thự người ông này thuê ở rìa công viên Richmond ở Luân Đôn.

Tôi không biết ông đang làm gì ở Hoa Kỳ và quan trọng nhất là không biết ông có còn làm việc với chính quyền Sài Gòn hay không. Dù sao thì ông cũng rất đáng mến và tôi đã có những kỷ niệm đẹp về gia đình ông.

Chúng tôi ăn trưa ở phố Tàu, sau đó ông đưa tôi trở lại nhà Hyman Bass. Ngay trước khi chia tay, ông có chút nghi ngờ và hỏi tôi:

"Tráng, cháu có quốc tịch Pháp chưa?"

"Dĩ nhiên là cháu chưa có," tôi trả lời.

"Làm sao cháu đến đây được?"

"Bằng hộ chiếu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa."

"Dù sao ông cũng đã nói đừng thu hồi hộ chiếu của cháu."

"Ông à, ông đang ở trên một con tàu sắp chìm."

Ông tôi là đại diện của Liên Hiệp Quốc, quan sát viên của chính quyền Sài Gòn. Vài ngày sau, Thông tấn xã Hoa Kỳ, UPI, đưa tin về sự hiện diện của tôi tại Hoa Kỳ. Hoảng sợ, ông đại sứ Sài Gòn đến gặp ông tôi và hỏi rằng ông có biết việc đang có một người Bắc Việt ở Hoa Kỳ không. Ông tôi tỏ vẻ buồn rầu, trả lời có và bảo rằng người Bắc Việt ấy là một cháu trai của ông.

Tôi đi một vòng tham quan nước Mỹ. Tôi đến Đại học Michigan ở Ann Arbor theo lời mời của Giáo sư Charles Titus, người tôi từng gặp ở Strasbourg năm 1972, sau đó đến Urbana Champaign, người tiếp đón tôi ở đó là Giáo sư Robert Fossum, người tôi từng gặp ở Oslo năm 1969, sau đó tôi đi qua bờ Tây đến Berkeley để gặp Giáo sư Chern và Giáo sư Hartshorne.

Tôi đến Los Angeles, nơi tôi được tiếp đón bởi giáo sư vật lý Edward Cooperman, người rất tận tâm giúp đỡ Việt Nam, nhưng về sau bị sát hại bởi những người tị nạn từ chính quyền Sài Gòn. Cooperman giới thiệu tôi với các giáo sư từng phản đối Chiến tranh Việt Nam ở khu vực Los Angeles. Vì vậy, tôi đã trình bày một bài giảng về toán tại Đại học California ở Los Angeles. Tôi nói chuyện về lịch sử và con người Việt Nam tại Đại học Caltech với các nhà vật lý thiên văn đến từ Việt Nam.

Tôi được tiếp đón và dùng bữa trưa cùng một biên tập viên của tờ *Los Angeles Times* và một thành viên của Thông tấn xã UPI. Chính sau bữa trưa này, UPI đã công bố tin tức về sự hiện diện của tôi ở Hoa Kỳ. Sau ngày miền Nam hoàn toàn

giải phóng, người thân của bố tôi sống ở Sài Gòn kể lại rằng tin tôi có mặt ở Mỹ khiến cả Sài Gòn hoang mang. Điều này càng cho thấy rằng ở trong một xã hội mất ổn định thì bất cứ điều gì cũng có thể gây hoảng sợ.



Giáo sư Edward Cooperman (1936–1984). Ảnh: Tạp chí *Physics Today* 38 (9), tr. 92–94, 1985.

Trở lại Boston, tôi tiếp tục các công việc quen thuộc của mình. Tôi đến giảng bài ở Philadelphia và Đại học Haverford ở Pennsylvania, và cũng đến Washington, nơi tôi gặp Eddie Becker, một trong những nhà làm phim đã thực hiện bộ phim tài liệu về những người Mỹ đào ngũ. Theo yêu cầu của Barry Mazur, giáo sư Khoa Toán tại Harvard, tôi đến thăm anh trai của Barry đang dạy ở Vermont để nói chuyện với các sinh viên của ông về Việt Nam.

Tôi quyết định trở lại Pháp vào tháng Năm. Trở lại Paris, tôi xin một thị thực khác để trở lại Boston, sau đó đến Arcata, phía bắc California, nơi diễn ra hội nghị về hình học đại số.

Nhìn chung, việc xin visa lần hai để quay lại Hoa Kỳ không quá khó. Tôi được Lãnh sự Murphy, người phụ trách các vấn

đề an ninh, triệu tập. Ông nói rằng thị thực của tôi có vấn đề vì tôi đã tham dự một cuộc mít tinh chính trị ở New York. Tôi trả lời chính vì cuộc mít tinh đó mang tính chất chính trị nên tôi đã không tham dự. Ông lãnh sự ghi nhận điều này và cuối cùng tôi đã được cấp thị thực.

Tôi lại sang Boston. Tôi ở đó một tháng, sau đó bay đến California, nơi Hội Toán học Hoa Kỳ (AMS) đang tổ chức hội nghị hình học đại số. Tôi đã dành một tuần ở San Francisco với những người Việt Nam ở đó. Đặc biệt, tôi quen ông Nguyễn Văn Lũy, người vào năm 1944 đã giúp người Mỹ dịch một bức thư gửi Hồ Chí Minh, trong đó chính quyền Mỹ hứa sẽ ngăn cản chính quyền Pháp để đổi lấy sự cộng tác của Việt Nam chống lại Nhật Bản.

Hội nghị của AMS được tổ chức ở phía bắc California tại một đại học ở một thị trấn nhỏ ven biển tên là Arcata. Tất cả các nhà hình học đại số của Mỹ đều có mặt. Tôi gặp lại Abhyankar cùng với Murthy, một giáo sư ở Chicago. Có Schlessinger, người đã viết một bài báo nổi tiếng về lý thuyết biến dạng. Dĩ nhiên là có Bott, Zariski, Mumford, Hironaka, Mazur, Tate, Griffiths đến từ Harvard, Artin đến từ MIT và hàng loạt nhà toán học khác tôi đã quên mất tên. Teissier và tôi đều làm báo cáo tại hội nghị. Điều đáng mừng là kỷ yếu hội nghị được AMS xuất bản.

Hội nghị bắt đầu vào cuối tháng Bảy và kéo dài ba tuần. Sự kiện quan trọng nhất thời điểm này là việc Tổng thống Richard Nixon từ chức⁽⁴⁾. Đó là ngày 9 tháng 8 năm 1974. Mọi người trong hội nghị hình học đại số đều ở trong phòng ăn lớn để xem ti vi. Trong thời gian đó, tôi quyên góp tiền cho chuyến đi của phái đoàn Việt Nam dự đại hội quốc tế ở Vancouver. Tất cả mọi người, đang chú tâm tới bài phát

⁽⁴⁾Nixon phải từ chức vì vụ bê bối nghe lén Watergate (BBT).

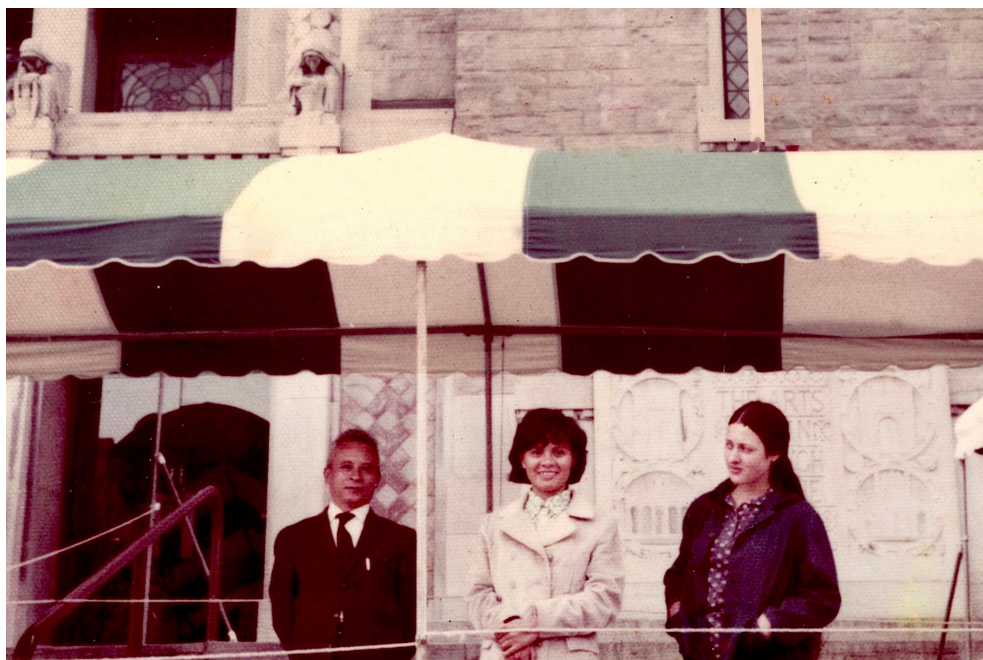
biểu của Nixon, đã ủng hộ tiền cho tôi. Tôi thu về tới hơn 2000 đô la.

Vài ngày sau, tôi trở lại San Francisco và bay đến Vancouver, Canada. Vancouver chắc chắn là thành phố lớn nhất ở British Columbia, tỉnh ở phía tây của Canada, nhưng nó không phải là thủ phủ của tỉnh. Thủ phủ là Victoria, một thị trấn nhỏ nơi thống đốc cư trú và nơi tọa lạc các cơ quan hành chính của tỉnh.

Thật vui khi được gặp lại Lê Văn Thiêm. Cùng đi với ông là Hoàng Xuân Sính, học trò của Grothendieck. Tôi đưa tiền quyên

góp được cho giáo sư Thiêm và muốn tránh đi nơi khác. Nhưng người Canada đã vui lòng mời tôi ở trọ cùng với Thiêm và Sính trong một ngôi nhà gần trường đại học.

Đại hội Vancouver đã thành công tốt đẹp. Chỉ có một tình tiết hài hước là vì hội nghị được truyền hình đưa tin nên một hôm tôi đọc được trên báo: "Tiến sĩ Lê tìm Tiến sĩ Lê". Vì không đi tìm nên tôi suy ra rằng Lê Văn Thiêm đã tìm kiếm tôi. Đây là điềm báo trước người ta sẽ tìm thấy nhiều người mang họ Lê trong toán học.



Các giáo sư Lê Văn Thiêm và Hoàng Xuân Sính tại Vancouver năm 1974.

Ảnh: Lê Dũng Tráng.

2. CHUYẾN ĐI THỨ BA VÀ THỨ TƯ

Sau đại hội Vancouver, tôi được Giáo sư Iyanaga mời đến thăm Nhật Bản. Tôi không biết ông vào thời điểm đó, nhưng Iyanaga là anh trai của vợ Kodaira, một nhà toán học Nhật Bản, người từng giành

được Huy chương Fields trước Hironaka. Đối với những nhà toán học biết ông, Iyanaga là chú của vợ Mutsuo Oka⁽⁵⁾, người cũng nghiên cứu lý thuyết kỳ dị.

Khi tôi đến Nhật Bản, tôi được một học trò khác của Brieskorn là Kyoji Saito

⁽⁵⁾Vợ chồng giáo sư Kodaira sinh hạ được hai người con gái, Yasuko và Mariko. Người con gái út, Mariko, là phu nhân của giáo sư Mutsuo Oka (BBT).

tiếp đón. Saito đặt phòng cho tôi ở Tokyo tại một khách sạn dành cho người lao động nước ngoài gần ga Sugamo trên tuyến Yamanote từ Tokyo. Tôi đọc bài giảng tại hai, ba trường đại học ở Tokyo, sau đó đến Kyoto và Nara, những cố đô của Nhật Bản. Tôi đến Hiroshima để lắng mình suy tưởng. Tôi đi với Kyoji Saito và Takuo Fukuda, những người từng học với Thom. Một nhà toán học trẻ người Nhật khác là Sakamoto đi cùng chúng tôi. Tàu tốc hành Shinkansen không đi đến tận Hiroshima vào năm 1974. Nó chỉ đến Okayama. Sau đó chúng tôi tiếp tục đổi qua một chuyến tàu bình thường. Chuyến đi đến Hiroshima mất khá nhiều thời gian. Tôi ở Nhật một tháng trước khi bay sang Hà Nội.

Điều phiền toái là tôi phải đi qua Hồng Kông để đến Viêng Chăn. Nhưng không có chuyến bay nào từ Nhật Bản đến Hồng Kông trước chuyến bay từ Hồng Kông đến

Viêng Chăn. Vì tôi có hộ chiếu Hà Nội nên chính quyền Hồng Kông sẽ không cho phép tôi qua đêm tại sân bay. Thật may, một hôm máy bay đi Viêng Chăn lại cất cánh vào buổi chiều. Tôi bắt chuyến bay đầu tiên từ Tokyo đến Hồng Kông để đến đó đúng giờ. Nhiều người thời nay có thể không biết sân bay Tokyo lúc đó đặt ở Haneda nằm trong Tokyo, chứ không phải ở Narita mới được xây dựng sau này.

Tại Hồng Kông, tôi được biết chuyến bay đến Viêng Chăn đã được dời sang buổi chiều để cho phép phu nhân của các bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời Lào thực hiện chuyến đi của họ. Chuyến bay từ Hồng Kông đến Viêng Chăn thật khủng khiếp. Chúng tôi bay qua một đười bả và máy bay đã rơi vài trăm mét. Hầu hết các hành khách trên máy bay đều hút thuốc lá. Vâng, có thể hút thuốc trên máy bay vì thời đó vẫn chưa bị cấm.



Giáo sư Kyoji Saito và Lê Dũng Tráng, năm 2004.

Ảnh: Gert-Martin Greuel, Viện Nghiên cứu toán Oberwolfach.

Chuyến bay đến vào ban đêm. Tôi tìm được một khách sạn và ở đó ba ngày trước chuyến bay tiếp theo đến Hà Nội. Nhân cơ hội này tôi đi thăm Viên Chăn. Không có nhiều thứ để xem ngoại trừ chợ trung tâm bên bờ sông Mê Kông. Trong khu chợ này, tôi thấy họ làm một món rất ngon là thịt xiên gà nướng giòn. Sau đó, tôi đáp chuyến bay về Hà Nội.

Lê Văn Thiêm đang chuẩn bị để đón Bernard Malgrange, Frédéric Phạm và Alain Chenciner. Tôi được ở cùng các nhà toán học Pháp tại khách sạn Hòa Bình. Khách sạn này không có cái vẻ sang trọng của Khách sạn Thống Nhất, nhưng rất phù hợp. Vấn đề duy nhất là khách sạn không phục vụ các bữa sáng kiểu Việt Nam. Một buổi sáng, tôi mời tất cả các đồng nghiệp đi ăn mì Sủi Cảo tại một quán ăn nhỏ gần đó.

Các bài giảng được tổ chức trong các phòng học tại Đại học Bách khoa. Mỗi buổi có khoảng mười người nghe. Các bài giảng của Malgrange, Chenciner và Frédéric Phạm đã được biên tập lại. Tôi không biết hiệu quả của chúng như thế nào. Tôi nhớ rằng một nhà toán học của Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hoàng Hữu Đường, rất quan tâm đến các bài giảng của Chenciner và tham gia biên tập bài giảng. Thật không may, Hoàng Hữu Đường mất sớm vào năm 1987.

Hoạt động lần này được Tạ Quang Bửu đề cập đến trong một bài báo dài về lý thuyết tai biến của Thom đăng trên tờ *Nhân Dân*. Tôi đoán bài báo này không dành cho công chúng phổ thông. Nhưng Tạ Quang Bửu đã giải thích khá tốt những ý tưởng của Thom về các mô hình tiến hóa. Thế nhưng các ý tưởng này không gây ấn tượng lắm đối với các nhà toán học ở Pháp.

Ngoài giờ giảng bài, chúng tôi được sắp xếp một chuyến viếng thăm Chùa Hương

mà hành trình là bằng đường sông. Dĩ nhiên chúng tôi cũng đến thăm Vịnh Hạ Long.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp chúng tôi tại Phủ Chủ tịch nhìn ra Quảng trường Ba Đình. Chúng tôi vẫn lưu giữ những bức ảnh về chuyến viếng thăm đầy ấn tượng này.

Tôi đến thăm thân nhân trong gia đình ở Việt Nam thường xuyên. Chú tôi quê gốc ở Nha Trang, làm việc cho Bộ Ngoại giao của Chính phủ lâm thời miền Nam Việt Nam. Chú nói với tôi rằng chuyến thăm Hoa Kỳ của tôi đã làm lung lay quan điểm của Bộ Ngoại giao, đơn vị đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải thích rằng dù sao đi nữa, sau chiến tranh, Việt Nam sẽ phải có quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ.

Chính Tạ Quang Bửu kể với tôi rằng trong một cuộc họp của Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Lê Duẩn đã giận dữ nói:

"Có vẻ như có một người của ta ở Mỹ vậy mà tôi không được biết anh ta là ai."

Phạm Văn Đồng nói với ông ta:

"Anh bình tĩnh, tôi biết đó là ai và tôi sẽ giải thích cho anh."

Như thế, tôi đã vô tình trở thành một người nổi tiếng ở Việt Nam. Tôi hiểu rằng ngoài ra tôi còn là công dân đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đặt chân lên đất Hoa Kỳ.

Hoạt động giảng dạy của chúng tôi diễn ra rất tốt đẹp. Frédéric Phạm bàn về việc sẽ trở lại Việt Nam. Chúng tôi trở về Pháp mà không biết rằng chiến tranh sắp kết thúc.

Tôi trở lại Việt Nam vào tháng 3 năm 1975, ngay trước cuộc tổng tấn công cuối cùng. Chú tôi treo bản đồ Việt Nam tại nhà để có thể theo dõi diễn biến của cuộc tấn công. Tôi nhớ chú đã phấn khích như thế nào khi quân Việt Nam chiếm được

Nha Trang. Người ta nói rằng cuộc tấn công diễn ra quá nhanh chóng đến nỗi toàn bộ tổng tham mưu Mỹ đều bị bắt làm tù binh. Sau này trong các bản tin, tin tức này biến mất.

Không ai, kể cả tôi, ở tiểu ban Toán học của Ủy ban Khoa học Nhà nước còn để tâm đến việc làm toán.

Sau đó vào tối ngày 30 tháng 4 thì chiến tranh kết thúc. Tôi đến Hồ Gươm ở trung tâm Hà Nội. Đường như cả thành phố Hà Nội tập trung ở đó, im lìm. Những người phụ nữ không nói gì vừa đẩy xe vừa khóc thầm. Tôi cảm thấy xúc động. Tôi đến nhà những người đã mời tôi sang để nói rằng tôi đang nghĩ đến việc quay lại Pháp. Tôi thuyết phục bộ trưởng Tạ Quang Bửu cho tôi ở nơi nào đó tiết kiệm hơn Khách sạn Thống Nhất hay Khách sạn Hòa Bình. Ông tìm thấy một nơi lý tưởng cho tôi: ngôi nhà B7bis dành cho sinh viên nước ngoài. Phòng tôi ở B7bis bên trong khuôn viên Đại học Bách khoa.

Khi tôi đến nhà những người đã mời tôi sang Việt Nam, họ thuyết phục tôi ở lại. Chúng tôi uống rượu mừng chiến cuộc vừa tàn. Bốn người chúng tôi đã làm hết một lít rượu gạo lậu. Tôi về nhà khoảng 2 giờ sáng. Tôi phải vào bên trong khuôn viên Đại học Bách khoa. Lúc này cổng đã đóng. Sinh viên xếp hàng để vào trong khuôn viên trường bằng cách trèo qua bức tường bên ngoài. Tôi cũng dựng xe đạp của mình làm tường để trèo nhưng tôi đã say. Trên đường trở lại khuôn viên trường, tôi thấy một sinh viên người Nga nằm ngáy khò khò trên vỉa hè.

Vài ngày sau, tôi lên đường sang Tokyo theo học bổng ba tháng để thực hiện nghiên cứu tại Đại học Tokyo. Tôi chắc là công dân Việt Nam đầu tiên nhập cảnh vào Nhật Bản sau ngày thống nhất. Toàn bộ khu vực Đông Nam Á đã bị chấn động bởi kết quả rõ ràng của chiến tranh ở Việt

Nam. Tất cả các nước ASEAN đều công nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong vòng một tuần. Không ai chìa tay cho đất nước vừa mới dành chiến thắng là Việt Nam. Cứ như thể họ khiếp sợ Việt Nam và muốn ẩn náu dưới đôi cánh bảo vệ của Trung Quốc.

Tôi đến Tokyo trong bầu không khí mới mẻ này. Nếu so sánh thì Tokyo giống như một ốc đảo yên bình. Tôi được sắp xếp ở trong một nhà khách tại Đại học Tokyo. Nhà khách này gần ga Meguro trên tuyến Yamanote. Tôi làm việc tại khuôn viên Komaba của Đại học Tokyo. Tôi giảng một khóa bằng tiếng Anh về các phương pháp đại số trong lý thuyết kỳ dị. Khóa học được biên tập bởi một sinh viên trẻ, Hiroaki Terao, người sau này nổi tiếng với các công trình về sắp xếp siêu phẳng.

Tôi đã làm việc với một nhà tô pô học, Mitsuyoshi Kato, người đã viết các công trình về tô pô của các không gian đại số kỳ dị cùng với người bạn Yukio Matsumoto. Sự hợp tác này, đáng tiếc là không trọn vẹn, đã dẫn đến những kết quả sâu sắc về cấu trúc của các hàm giải tích phức trên các không gian giải tích phức.

Tôi đã tham dự nhiều hội nghị chuyên đề khác nhau do Hội Toán học Nhật Bản tổ chức ở Sendai về hình học đại số, ở Kyoto về giải tích hình học. Lịch trình ở Nhật của tôi dày đặc. Tôi rất vui khi trở lại Việt Nam vào đầu tháng Tám.

Ở Hà Nội trời rất nóng. Chú tôi hỏi tôi sao không vào Nam thăm gia quyến của bố tôi. Chú nói các máy bay vào Nam đều thuộc quyền kiểm soát của quân đội nhưng trong trường hợp của tôi thì chắc sẽ có ngoại lệ.

Tôi nêu lên ý tưởng này với Tạ Quang Bửu, ông bảo tôi đợi vài ngày. Trong thời gian chờ đợi, tôi thường hay lui tới căn phòng nhỏ nơi đặt thư viện tiểu ban Toán

học của Ủy ban Khoa học Nhà nước. Tôi nhận thấy sách ở thư viện được sắp xếp rất lộn xộn. Những cuốn sách của tác giả phương Tây đều được sắp xếp theo thứ tự tên riêng. Cô thủ thư giải thích rằng đó là cách làm thông thường của Việt Nam, vì ở Việt Nam có chưa đến một trăm cái họ. Việc tìm theo tên riêng sẽ tiện hơn trong tiếng Việt.

Tôi bắt tay vào công việc dài bất tận là xếp lại các sách phương Tây theo thứ tự họ của tác giả. May mắn thay một ngày nọ có bốn bạn trẻ đến, đều là những người vừa hoàn thành việc học tập ở nước ngoài. Tôi nhờ các bạn ấy phụ giúp việc sắp xếp trong lúc đi vệ sinh. Khi tôi quay lại, tất cả đều đã đi đâu hết. Tôi vừa gặp Hà Huy Vui, Nguyễn Sỹ Minh, Nguyễn Tự Cường, và Nguyễn Hữu Đức.

Tạ Quang Bửu cho tôi biết chuyến thăm miền Nam của tôi đã được phê duyệt. Tôi chuẩn bị sẵn sàng để đáp máy bay vào Nam. Người ta đón tôi tại Tân Sơn Nhất. Tôi được ở trong một biệt thự bỏ hoang của những người chủ đã phất lên trong thời kỳ Mỹ chiếm đóng. Đó là một biệt thự lớn gần trung tâm thành phố, nơi sinh sống của một người đàn ông và cô con gái. Sau này cha con họ đã bỏ xứ ra đi. Có vẻ như tôi đã gặp cô gái ấy vài năm sau đó tại Harvard khi cô là sinh viên ở đó. Chuyện đó khiến tôi nghĩ rằng thế giới này quả thật nhỏ bé.

Những người ở Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức cho tôi một buổi gặp gỡ với những trí thức đã ở lại sau ngày hòa bình. Có gần 1000 người. Tôi không nhớ mình đã nói gì vào buổi tối hôm đó. Tôi nhớ một người chị họ của mẹ tôi đã đến gặp tôi vào cuối buổi. Dĩ nhiên là tôi không hề biết bà, nhưng bà dường như có biết tôi.

Đó cũng là lần đầu tiên tôi gặp Nguyễn Đình Ngọc, một nhà toán học của Đại học

Sài Gòn, một học giả uyên thâm nhưng kín đáo, nổi tiếng vì thường xuyên bị bắt giữ trong các cuộc biểu tình đòi chấm dứt chiến tranh, rồi lại được thả ra ngay khi người ta biết ông là giáo sư toán ở đại học. Ông nói với tôi rằng ông là đảng viên Đảng Cộng sản Sài Gòn. Sau này tôi mới biết ông hoạt động ngầm cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Nguyễn Đình Ngọc thậm chí còn được thăng cấp Đại tá an ninh vì những hoạt động của mình. Theo tôi biết hình như ông là một học trò cũ của Lichnérówicz. Một đại tá an ninh am hiểu về các đa tạp khả vi ở một đất nước có ông bộ trưởng am hiểu về lý thuyết lược đồ.

Tôi về thăm gia đình ở Sài Gòn. Em họ tôi đi lính nhưng thoát chết. Cậu em họ kể rằng vào ngày 29 tháng 4, một người lính miền Bắc đã đánh thức cậu ấy dậy và nói rằng chiến tranh đã kết thúc. Cậu ấy đóng quân ở sân bay Tân Sơn Nhất. Sau hai ba ngày, em họ tôi được trả về lại với gia đình đang sinh sống gần sân bay.

Tôi may mắn gặp lại bà nội tôi, người sống cùng với các cô tôi. Bà đến Pháp cùng với một người con gái sau hiệp định Genève năm 1954. Kể từ khi ông nội tôi mất năm 1953, bố tôi đã nghĩ đến việc chăm sóc bà. Bà tôi chán cuộc sống ở Pháp và trở về Việt Nam một năm sau đó.

Thời gian lưu trú tại thành phố Hồ Chí Minh kết thúc sau một tuần. Thành phố giờ đây so với ngày đó đã thay đổi hoàn toàn.

Tôi trở lại Hà Nội và chia sẻ những ấn tượng của mình với Tạ Quang Bửu. Tôi chắc chắn sẽ quay lại Việt Nam vào năm 1976. Từ đó cho đến năm 1984, hàng năm tôi đều trở lại Việt Nam. Năm 1992 tôi quay lại để tham dự một hội thảo về tôpô do Alberto Verjovsky tổ chức với sự tài trợ của ICTP. Sau lần đó đến nay, mỗi năm tôi đều trở lại với thời gian tương đối

dài. Tôi không ở Việt Nam khi Tạ Quang Bửu qua đời. Khi đang ở Brazil làm việc trong hai tháng, tôi hay tin ông mất. Sự ra đi của ông khiến tôi hết sức xúc động. Tạ Quang Bửu giống như người thầy tư tưởng của tôi trong suốt thời gian tôi về Việt Nam. Mỗi liên hệ của tôi với Việt Nam đã thay đổi. Tôi mất liên hệ với một con người vĩ đại.

Việt Nam từ năm 1976 gặp phải nhiều khó khăn. Viện trợ quốc tế giúp Việt Nam chống lại người Mỹ đã cạn kiệt. Những năm tồi tệ nhất là 1979, 1980, 1981 và 1982. Những người trẻ tuổi ngày nay không hề biết đến những khốn khó đất nước đã phải vượt qua.

Tôi đã giữ lời hứa tự chi trả các chuyến đi của mình cho đến năm 1984. Đến năm 1992 Việt Nam đã trở thành một quốc gia được cộng đồng quốc tế giúp đỡ. Tôi ngày càng phải chi trả ít hơn các chuyến đi của mình, thường được ICTP, CIMPA và đôi khi là trường đại học của tôi tài trợ. Dù sao, tôi cảm thấy dường như sự hiện diện của mình ngày càng ít cần thiết hơn.



GS. Frédéric Phạm. Ảnh: Gert-Martin Greuel, Viện Nghiên cứu toán Oberwolfach.

Tôi đã không đề cập nhiều về Frédéric Phạm, người đã đóng một vai trò lớn trong thuở đầu cuộc đời làm toán của tôi. Tôi nợ Frédéric những ý tưởng quan trọng

cho luận án tiến sĩ của mình. Như tôi đã nói ở trên, Brieskorn sử dụng kết quả một bài báo của Frédéric Phạm để đưa ra các phương trình đại số cho các mặt cầu dị biệt. Thật không may, công trình của Frédéric Phạm không được nhiều người biết đến. Đây là vấn đề đã khiến tôi suy nghĩ rất lâu. Nếu trong trường hợp của tôi, việc được xã hội công nhận đã khó, thì trong trường hợp của Frédéric, tình trạng còn khó hơn. Với bố người Việt và mẹ người Pháp, anh không thực sự được coi là người Pháp cũng không thực sự được coi là người Việt. Ngoài sự công nhận của các đồng nghiệp, Frédéric ít nhận được sự thừa nhận của xã hội.

Tất nhiên, trong thế giới quốc tế chủ nghĩa mới đang cố gắng hình thành ngày nay, những sự thừa nhận này không mấy quan trọng. Dù sao Frédéric Phạm cũng đã đến Việt Nam vào năm 1974 theo sự động viên của tôi. Anh rất hài lòng về chuyến đi này đến nỗi đã quay trở lại trong những năm 1979/1980 là những năm khó khăn ở Việt Nam. Anh có các học trò là Nguyễn Tiến Đại, Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Sỹ Minh, Hà Huy Vui, Lê Văn Thành. Sau này anh Frédéric trở lại Việt Nam thường xuyên.

Tôi viết những dòng này theo lời thúc giục của Ngô Việt Trung để ghi chép lại những năm tháng toán học "hào hùng" của Việt Nam, tôi đã không đề cập đến những đóng góp to lớn của Phan Đình Diệu và Hoàng Tụy, những người được biết đến nhiều hơn ở Việt Nam.

Tôi cũng gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Hà Huy Khoái, Nguyễn Việt Dũng và Nguyễn Tự Cường, những người giúp đưa tôi sang Việt Nam trong những năm qua. Tôi cảm ơn em gái Lê Thị Kim Tuyền, người đã trở lại Việt Nam năm 1986 và trả tiền khách sạn cho tôi mỗi khi tôi đến Hà Nội. Dĩ nhiên có nhiều nhà toán học khác đã làm

cho những chuyến thăm sau này của tôi trở nên dễ chịu: Lê Tuấn Hoa, Phùng Hồ Hải, Hà Huy Vui, Nguyễn Công Thành.

Tôi không quên Nguyễn Hữu Đức, người từng là Hiệu trưởng trường Đại học Đà Lạt và đã ra đi quá sớm.

(Hết)

Lê Dũng Tráng, 10 tháng 7 năm 2019

Kỉ niệm về giáo sư Lê Văn Thiêm (1918–1991)⁽¹⁾

Đào Văn Tiến⁽²⁾

Anh là người tầm thước, béo lẳn, mặt vuông, trán rộng và nở, mắt nhỏ nhưng có cái nhìn sâu xoáy, cái miệng cười tươi luôn mở rộng.

Lần đầu tiên tôi gặp anh Lê Văn Thiêm ở Ngòi Quảng (Chiêm Hóa) địa điểm đầu tiên của trường khoa học cơ bản⁽³⁾. Ấn tượng đầu tiên anh để lại cho tôi là tính hồn nhiên của trẻ thơ. Đang ngồi nói chuyện với tôi, anh xin lỗi chạy lại góc trường, sửa lại cái cọng cỏ cho đàn kiến lá leo đúng hướng ban đầu. Hóa ra trước khi nói chuyện với tôi, anh đã để tâm quan sát sự di chuyển của đàn kiến, như một nhà tự nhiên học thực sự và không quên chủ đề trong lúc hội thoại. Một lần khác, đang bàn với anh về tình hình học tập của sinh viên, bỗng anh cắt ngang: “Anh có nhớ Mã Siêu trong Tam Quốc chết ở đâu vào lúc nào không?”. Tôi trả lời anh qua loa, để tập trung vào vấn đề học tập đang mới dở.

Đây, về tư duy, anh Lê là như thế, anh có một nội tâm phong phú, suy nghĩ về nhiều vấn đề trong cùng lúc, tới mức lãng quên tạm thời vấn đề đang thảo luận. Cái nội tâm phong phú của một số nhà khoa

học, không phải ai cũng có. Chính đây là cái nôi của trí tưởng tượng, cơ sở của mọi sáng tác và phát minh. Biết thế, mỗi lần làm việc với anh, tôi đều chủ động nắm vững chủ đề, để lái anh đến chỗ kết luận dứt khoát, sau đó mới chuyển sang đề tài khác.

Anh Lê hơn ai hết, có tính nhân văn chủ nghĩa rõ nét, điều tôi cũng thấy ít có ở nhiều đồng nghiệp. Trong một buổi họp hội đồng khoa học, duyệt cán bộ cử đi làm thực tập sinh và nghiên cứu sinh ở nước ngoài, khi cán bộ tổ chức trình bày một trường hợp có gia đình tư sản ở Hà Nội, đã phá sản từ khi đương sự còn nhỏ, và lưu ý hội đồng về thành phần xuất thân của đương sự, anh Lê cười lớn: “Bố mẹ người ta đã phá sản, thì bây giờ cũng là vô sản như chúng ta, việc gì mà thảo luận, cho qua”. Nhưng trường hợp cán bộ này cuối cùng vẫn không thông qua được, do án ngữ của tổ chức trên trường, kết hợp với sự không đồng tình của phòng tổ chức.

Tới lúc anh chọn sinh viên tốt nghiệp, giữ lại làm nghiên cứu sinh cho ngành toán, tổ chức có gợi ý “đây là ngành

⁽¹⁾Tên gốc bài viết là *Nhớ một thầy giáo toán học*, được Ban biên tập đặt lại.

⁽²⁾GS. Đào Văn Tiến (1920–1995) là một nhà sinh học, nguyên là giảng viên của Đại học Sư Phạm và Đại học Tổng hợp Hà Nội. Ông được Nhà nước tặng thưởng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học và công nghệ vào năm 1996 cho “Tập hợp các công trình điều tra cơ bản về động vật học ở Việt Nam (1957–1980)”.

⁽³⁾Đại học đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

khoa học mũi nhọn, anh nên lưu tâm chọn sinh viên là đảng viên làm nòng cốt” và giới thiệu hai người với anh. Vì các anh này học quá kém, anh Lê không chọn, mà chọn ba sinh viên trước học trong thành⁽⁴⁾, nhưng có năng khiếu về toán. Anh đã làm đúng, vì ba sinh viên anh chọn, trong quá trình nghiên cứu và giảng dạy đã trở thành tiến sĩ, giáo sư đại học, hiện nay đứng đầu một số chuyên ngành trong toán học của Việt Nam (GS. Hoàng Hữu Đường, GS. Nguyễn Bắc Vãn và GS. Nguyễn Thừa Hợp).



GS. Lê Văn Thiêm cùng vợ và con gái.
Ảnh: Bộ Khoa học và Công nghệ.

Nếu có khuyết điểm nào nhìn thấy được của anh, thì tôi chỉ thấy anh quá tự tin về tài năng của mình, cho rằng mình đã làm khoa học tốt, thì làm chính trị cũng tốt. Đây có thể coi như sai lầm cơ bản về nhận thức của anh. Vì không thấy rõ điểm này, nên có thời gian anh đã nhận luôn trọng trách bí thư Đảng ủy trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, trong khi anh đang phụ trách trường. Đã có lần anh “chỉnh” một số anh em về lập trường quan điểm, như một chính trị viên chính công. Chính tham vọng này làm một số anh em ngại gần anh, và cũng làm

anh điêu đứng trong suốt nửa cuộc đời. Vì lãnh đạo ngành giáo dục đã có thời duy trì quan điểm “Chính trị thống soái” hay “Đảng lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối” nên một số thầy giáo không ưa anh đã được khuyến khích soi mói mọi hành động, lập trường, quan điểm “mơ hồ” của anh trong tuyển sinh và bồi dưỡng cán bộ. . .

Anh thật thà và hồn nhiên, không nhận việc mình đã làm là sai, mà thực tế là không sai, nên đã bị truy ép trong nhiều lần kiểm điểm trước tập thể. Nhưng cái sai thực sự của anh lại là vì quá mệt mỏi nên anh đã không đứng vững trong cuộc biện bạch cho chân lí và cuối cùng đã nhận là mình sai theo đúng ý đồ của lãnh đạo ngành. Dự buổi họp toàn thể hôm đó, nghe anh kiểm điểm và khóc mình đã phạm sai lầm, mà tôi chắc trong thâm tâm anh không phải như vậy, tôi đã cảm thấy rất buồn cho tiền đồ một nhà toán học lớn như anh. Có đủ đức tính của nhà khoa học thực thụ: tính tò mò tìm hiểu của trẻ thơ, tính đấu tranh cho chân lí khoa học, tính không vụ lợi trong khoa học, nhưng vì chủ quan, anh mắc vào cái “bẫy” lập trường, quan điểm trong khoa học, cái bẫy mà Lysenko⁽⁵⁾ đã giăng để bẫy các đồng nghiệp của mình và sau đó là chính bản thân ông ta trong những năm 40–50 ở Liên Xô. Anh Lê đã phải rời bỏ vũ đài đào tạo toán học, làm thiệt hại cho sự phát triển ngành cho tới bây giờ. Anh không còn, nhưng anh vẫn là bạn đồng nghiệp quý mến của chúng tôi, chỉ tiếc rằng với tài năng của mình, anh chưa xây dựng được nhiều hơn nữa cho ngành toán học non trẻ của nước ta.

Hà Nội, thu năm 1992

⁽⁴⁾Học ở Hà Nội trong những năm Pháp thuộc, trước năm 1954.

⁽⁵⁾Trofim Denisovich Lysenko (1898–1976): nhà sinh học và nông học Liên Xô, người phản đối thuyết di truyền Mendel và chuyển đổi thuyết lai hóa của Michurin tạo dựng ra thuyết Lysenko được Stalin rất ủng hộ. Ứng dụng thuyết Lysenko đã đưa nông nghiệp Liên Xô gần đến thảm họa vì năng suất rơi xuống mức thấp kỷ lục. Năm 1948 thuyết này đã bị loại vì không có cơ sở khoa học và sau đó ông Lysenko đã bị khai trừ khỏi Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô.

Lý thuyết số như là sự kết hợp giữa vẻ giản dị, tầm quan trọng, và sự sâu sắc

– Phỏng vấn James Maynard⁽¹⁾

Andrei Okounkov và Andrei Konyaev

Anh nhận ra rằng mình muốn trở thành nhà toán học từ khi nào? Ai và điều gì đã truyền cảm hứng để anh trở thành một nhà toán học? Theo anh đó là một quyết định dễ hay khó?

Tôi luôn thực hiện từng bước một và chọn cho mình những phương án hấp dẫn nhất với sự nghiệp của tôi. Chính vì thế, có lẽ vào khoảng thời gian cuối chương trình tiến sĩ, tôi đã quyết định rằng mình muốn trở thành một nhà toán học – mặc dù trước đó tôi luôn cảm thấy thích làm việc khác hơn, ngay cả khi đang theo đuổi toán học. Thậm chí khá muộn màng tôi mới nhận ra làm toán cũng là một lựa chọn nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong con mắt của một người quan sát từ bên ngoài, có lẽ tôi là một anh chàng quan tâm nhiều đến toán học ngay từ khi còn nhỏ và từ đó người ta đều đoán được tôi sẽ trở thành nhà toán học trước khi tôi thực sự bắt đầu.

Bởi vì tôi thực hiện mọi thứ theo từng bước nhỏ nên đối với tôi chẳng có quyết định nào là lớn hay đặc biệt khó khăn. Tôi rất may mắn khi được ở trong một môi trường không có bất cứ một rào cản đáng kể nào và cũng đã có nhiều người có những lựa chọn nghề nghiệp tương tự. Vì vậy, tôi có thể tự do lựa chọn cho mình những phương án hấp dẫn nhất cho các bước tiếp theo.

Anh thích lĩnh vực toán học nào nhất khi còn ở trường và ở đại học? Anh có một bài

toán yêu thích nào từ hồi đó không? Làm thế nào anh tìm thấy lĩnh vực toán học “của mình”? Điều gì làm cho nó đặc biệt hấp dẫn đối với anh?

Lý thuyết số luôn có một sức hấp dẫn đặc biệt đối với tôi. Mặc dù không được dạy ở trường nhưng tôi đã tìm hiểu được nhiều thứ khác nhau bằng cách tự học. Tôi nhớ khi mình đăng ký vào trường đại học, chúng tôi được lựa chọn một số môn toán yêu thích để trả lời bài thi vấn đáp và tôi đã chọn lý thuyết số. Khi đó tôi đã nghĩ lựa chọn của mình là một lựa chọn khá khác thường. Nhưng may mắn là tôi không bị hỏi quá nhiều câu hỏi về số học vì kiến thức tự học của tôi chưa được toàn diện cho lắm. Nhưng những môn học ở đại học lại khiến tôi khá chắc chắn rằng lý thuyết số là điều mà tôi thực sự quan tâm.

Luôn luôn có một chút khó khăn để truy nguyên lý do thực sự cho việc tôi thấy lý thuyết số thú vị nhưng những câu hỏi trong lĩnh vực này mang một vẻ đẹp riêng trong mắt tôi. Có rất nhiều câu hỏi trong lý thuyết số với phát biểu sơ cấp và có vẻ như không thể hiển nhiên hơn nhưng trả lời những câu hỏi đó đòi hỏi một lượng lớn các ý tưởng tinh tế từ khắp nơi trong toán học. Chính sự kết hợp giữa vẻ giản dị, tầm quan trọng và sự sâu sắc khiến cho lý thuyết số trở nên hấp dẫn.

⁽¹⁾Bản dịch từ bài phỏng vấn giáo sư James Maynard trên trang thông tin của Liên đoàn Toán học Quốc tế (IMU): www.mathunion.org/fileadmin/IMU/Prizes/Fields/2022/Maynard%20_James_Interview.pdf



GS. James Maynard. Ảnh: St John's College và Đại học Oxford.

Anh chọn ra các bài toán để giải quyết như thế nào?

Rất may mắn là lý thuyết số có một lượng lớn các bài toán mở nổi bật cần được giải quyết. Khi tìm kiếm các vấn đề mới, tôi thường bắt đầu bằng cách cố gắng hiểu từng phần kết quả của những bài toán lớn nổi tiếng, sau đó nghĩ xem mình có thể đóng góp những cải tiến nhỏ về mặt kỹ thuật hay không. Cách tiếp cận này cho phép tôi tìm ra những vấn đề có tầm quan trọng (theo một cách nào đó có thể liên quan đến việc hiểu được các bài toán nổi tiếng) và đồng thời có tính khả thi (tôi chỉ cố gắng tìm hiểu những ý tưởng đã tồn tại trước đó hơn là lao thẳng vào một bài toán nổi tiếng).

Khi đã quen thuộc hơn với một lĩnh vực con, tôi thường cố gắng tìm kiếm các vấn đề thử nghiệm để khám phá những hạn chế trong kho kỹ thuật hiện tại. Nhiều kỹ thuật có điểm yếu là chúng không thể nhìn thấy một khía cạnh quan trọng nào đó của một bài toán và vì vậy, tôi muốn thử đưa ra một vấn đề thử nghiệm đơn giản nhất có thể bao hàm khía cạnh này. Trong tình huống đơn giản của vấn đề thử nghiệm, bạn có thể phát triển một kỹ thuật mới nhạy bén với khía cạnh kể trên với hy vọng rằng sẽ có một phiên bản kỹ

thuật phức tạp hơn cho phép ta nói gì đó mới mẻ về bài toán ban đầu.

Anh có cảm thấy rằng sự tiến bộ trong toán học đôi khi rất nhanh nhưng đôi khi lại rất chậm hay không? Anh làm gì khi nó diễn ra nhanh và làm gì khi nó diễn ra chậm?

Đúng! Cả nghiên cứu của riêng tôi và toàn bộ lĩnh vực này đều có những khoảng thời gian bùng nổ và sau đó là thời kỳ yên tĩnh hơn.

Tôi luôn cảm thấy thú vị khi có hàng loạt các hoạt động diễn ra. Thường vì có một hoặc hai ý tưởng mới khắc phục được các hạn chế trong kỹ thuật của chúng ta và những ý tưởng này có thể ứng dụng dưới các hình thức khác nhau để mang lại những tiến bộ cho một số vấn đề. Khi điều này xảy ra, tôi cố gắng theo kịp mọi diễn biến và tận hưởng những trải nghiệm một cách tốt nhất có thể!

Đối với tôi, những khoảng thời gian trầm lại luôn mang đến cảm giác khó khăn hơn vì điều quan trọng là phải duy trì động lực ngay cả khi bị mắc kẹt với những vấn đề chính mà bạn cố giải quyết liên tục trong nhiều tháng. Tôi thích kết hợp các dự án lại với nhau để nếu có vướng mắc trong dự án của chính mình, tôi vẫn có thể làm các việc khác và suy nghĩ ra những ý tưởng mới hoặc viết ra các ý tưởng mà mình có nhưng chưa hề động đến. Bằng cách này, tôi cảm thấy mình đã đạt được những tiến bộ nhất định, ngay cả khi nó không nằm trong dự án chính của tôi và điều này khiến tôi trở nên lạc quan hơn. Bản chất của nghiên cứu tham vọng là nó có thể khiến cho nhiều dự án bị cản trở nhưng việc đảm bảo mình luôn quan tâm đến vấn đề ngay từ ban đầu giúp ích rất nhiều cho tôi trong việc vận hành tiếp dự án.

Kết quả toán thực sự đầu tiên mà anh thu được là gì? Hãy cho chúng tôi biết về bản thân kết quả, bối cảnh và ảnh hưởng của nó đối với anh. Anh có thể cho chúng tôi biết về khoảnh khắc “Eureka!” lớn nhất của anh không?

Kết quả đầu tiên mà tôi đã chứng minh trong luận án tiến sĩ của mình là một chặn trên cho khoảng cách toàn phương trung bình giữa các số nguyên tố. Kỳ lạ là tôi không cảm thấy nó quá khác biệt so với việc giải các câu hỏi khó từ các bài giảng, mặc dù đây là một vấn đề nghiên cứu chứ không phải là một bài tập với lời giải có sẵn. Tôi nghĩ kết quả đầu tiên này giải phóng tôi khỏi rất nhiều áp lực trong suốt khoảng thời gian làm nghiên cứu sinh còn lại, vì cảm thấy yên tâm rằng mình đã hoàn thành được một vài nghiên cứu và có thể mạo hiểm hơn với những dự án khác. Nhưng rồi sau đó tôi phát hiện ra rằng kết quả này đã được người khác chứng minh mà mình không hề hay biết. Nhưng may thay tại thời điểm phát hiện ra điều này, tôi đã hoàn toàn bị cuốn hút vào dự án tiếp theo nên không còn quá bận tâm về dự án cũ đó nữa.

Kết quả đầu tiên thu hút được sự chú ý là kết quả tôi đạt được ngay sau luận án tiến sĩ, về một chặn trên cho khoảng cách giữa các số nguyên tố. Điều này khiến cho tôi rất phấn khích vì kết quả của tôi xuất hiện ngay sau phát minh đột phá của Yitang Zhang và vốn đã có nhiều người chú ý đến vấn đề này rồi. Tuy nhiên, đến cùng với sự phấn khích là rất nhiều lo lắng - kết quả của tôi dường như quá tốt so với mong đợi nên tôi rất sợ mình đã mắc sai sót nào đó, và rồi hóa ra Terence Tao cũng đã độc lập đưa ra ý tưởng tương tự, nên đến một thời điểm tôi đã sợ rằng mình sẽ bị ‘ra rìa’. May mắn thay, cả hai nỗi sợ này đều không thành hiện thực!

Anh cảm thấy như thế nào và đã làm gì khi biết tin mình được nhận huy chương Fields?

Tôi đã có một chút hoang mang trong vài ngày! Tôi nhớ khi Chủ tịch Liên đoàn Toán học Quốc tế (IMU) Carlos Kenig nói với tôi rằng tôi đã giành giải Fields, ông ấy yêu cầu tôi xác nhận rằng tôi đồng ý nhận giải. Tôi thoáng lo lắng rằng trong lúc phấn khích mình có thể sẽ nói bừa và vô tình từ chối giải thưởng do nhầm lẫn, vì vậy tôi đã nói câu đồng ý nhận huy chương Fields chậm rãi một cách khác thường để đảm bảo rằng mình không làm rối tung mọi thứ lên.

Tôi chắc chắn là rất vui khi biết tin mình được giải, nhưng phải mất một thời gian để lấy lại bình tĩnh và vì vậy, khoảng một tuần sau đó đối với tôi là một chút mơ màng. Cảm giác chắc chắn hơi siêu thực nhưng theo nghĩa thật đẹp. Tôi phải giữ bí mật với đồng nghiệp và phải hành động như thể chưa có chuyện gì xảy ra, khiến cho đôi khi có cảm giác như là tôi đã tự tưởng tượng ra vậy.

Ai là người đã đóng góp nhiều nhất cho thành công này?

Trong sự nghiệp học thuật của tôi, người hướng dẫn tiến sĩ - Roger Heath-Brown, người hướng dẫn sau tiến sĩ - Andrew Granville và đồng nghiệp của tôi tại Oxford Ben Green đều đóng những vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của tôi bằng cách cố vấn để tôi trở nên tiến bộ hơn. Tôi thực sự biết ơn họ và tôi nợ họ rất nhiều.

Nói đúng hơn, tôi đã được hỗ trợ bởi rất nhiều người trong lĩnh vực này. Tôi được những người có thâm niên lâu năm hơn chào đón và cho cảm giác thoải mái như đang được ở nhà vậy. Tôi có thêm rất nhiều bạn bè và được hợp tác với các nhà toán học tuyệt vời. Việc được nhìn thấy

những người khác sử dụng trực giác của họ để giải quyết vấn đề và học hỏi từ họ trong những lần hợp tác luôn cực kỳ hữu ích.



GS. Andrew Granville. Ảnh: The Academia Europaea.

Những chân trời mới, vấn đề mới, mục tiêu mới đối với anh bây giờ là gì?

Tôi thực sự mong được trở lại làm toán trực tiếp sau một thời gian dài phải làm việc trực tuyến do đại dịch. Tôi nghĩ rằng nghiên cứu của mình đã bị ảnh hưởng một chút do sự gián đoạn và thiếu tương tác nhưng việc đi ăn trưa và uống cà phê với đồng nghiệp khiến tôi cảm thấy phần chần chừ hơn. Tôi đặc biệt mong được gặp gỡ bạn bè và cộng tác viên tại các hội nghị trong tương lai.

Anh có tìm thấy cảm hứng từ việc dạy toán? Anh có ước mọi người biết nhiều hơn về những gì đang xảy ra trong toán học không? Đây là việc các nhà toán học nên làm để giúp mọi người hiểu thấu được tầm quan trọng và vẻ đẹp của toán học?

Tôi luôn ngạc nhiên trước sự hữu ích bất ngờ của giảng dạy đối với việc nghiên cứu. Quá trình giảng dạy buộc tôi phải đánh giá lại những thứ mà tôi tưởng rằng mình đã biết khá rõ và nhiều lần việc đánh giá lại như vậy hóa ra lại hữu ích để có cái nhìn mới hơn hoặc tìm ra điều

thực sự quan trọng. Việc này cuối cùng vừa giúp tôi giảng bài mạch lạc hơn, vừa giúp ích khi những tình huống tương tự xuất hiện trong nghiên cứu.

Mặc dù toán học là một môn học hay với nhiều ý tưởng tuyệt vời nhưng phần lớn điều này rất khó được nhận ra nếu không được đào tạo chính quy. Tôi sẽ rất thích thú nếu như có một cách nào đó có thể chia sẻ rộng rãi hơn với công chúng về vẻ đẹp của toán học và chứng tỏ rằng cái hay của toán học là ở ý tưởng chứ không ở tính toán. Đây cũng là điều mà tôi đang cố gắng truyền đạt mỗi khi giảng dạy. Tôi rất biết ơn các nhà phổ biến toán học có tầm ảnh hưởng, những người đã làm rất tốt trong việc cố gắng thu hẹp khoảng cách giữa nhà toán học và công chúng!

Sự mở rộng của internet đã mang tới nhiều cách thức mới để cung cấp nội dung cho những người quan tâm đến toán học. Tôi nghĩ điều này rất tốt cho toán học nói chung và đặc biệt là khi có sự tham gia của các nhà toán học thực thụ.

Tương tác với máy tính quan trọng như thế nào đối với công việc của anh ở hiện tại và trong tương lai? Anh tương tác với máy tính hay con người nhiều hơn?

Tôi sử dụng máy tính khá nhiều trong công việc của mình nhưng chỉ ở mức độ đơn giản. Thông thường, để chứng minh một kết quả, điều quan trọng là phải đoán được những phát biểu trung gian, từ đó dẫn tới kết quả (giống như bước đệm để vượt sông). Nhưng không may tôi thường dự đoán những kết quả trung gian hóa ra là sai, mặc dù kết quả chính là đúng! Nên thay vì lãng phí một ngày để thiết lập một số kết quả trung gian mà thực ra không đúng, tôi thường sử dụng máy tính để dễ dàng kiểm tra được nhiều trường hợp hơn và cho biết rất nhanh dự đoán nào là không chính xác.

Tôi nghĩ rằng trong tương lai máy tính có thể giúp đỡ nhiều hơn trong quá trình kiểm tra nhanh các phỏng đoán đơn giản và giải các dạng toán sơ cấp đã được hiểu rõ. Điều này sẽ cho phép các nhà nghiên cứu tập trung suy nghĩ về các ý tưởng cấp cao hơn và đây thường là nơi mà các ý tưởng thực sự được hình thành.

Tôi chắc chắn nhận được từ việc tương tác với đồng nghiệp nhiều hơn là từ tương tác với máy tính. Máy tính có thể giúp tôi rất nhiều trong việc tăng tốc các ý tưởng kỹ thuật cấp thấp, nhưng hiếm khi giúp tôi nhiều về hiểu biết ở cấp độ cao hơn. Khi tôi nói chuyện với các nhà toán học khác, điều này lại thường hoàn toàn trái ngược - chúng tôi nói chuyện ở cấp độ trừu tượng cao hơn và có thể tập trung vào những ý chính. Điều này có nghĩa là các nhà toán học khác sẽ giúp tôi với tư duy cấp cao và đó là nơi tạo ra những đột phá quan trọng.

Ngoài toán học, anh thích làm gì, có sở thích hay theo đuổi điều gì không? Anh tiếp cận mọi thứ với tư cách là một nhà toán học hay thích quên đi toán học trong những lúc giải lao?

Một trong những đặc quyền tuyệt vời của việc trở thành nhà toán học là bạn có cơ hội đi du lịch đến rất nhiều địa điểm thú vị trong khuôn khổ các hội nghị và cộng tác. Tôi thực sự thích tận dụng điều này như một cơ hội để dành thời gian nghỉ ngơi với toán học và khám phá các thành phố, nền văn hóa khác. Hai điều tôi đặc biệt thích làm khi đi du lịch là khám phá các quán cà phê và chụp ảnh - tôi trở nên ghiền cà phê và nhiếp ảnh từ vài năm trở lại đây. Bằng nhiều cách, những điều này cho phép tôi tập trung vào một thứ hoàn toàn tách biệt với toán học và

là một thú tiêu khiển cần thiết nhưng tôi vẫn tiếp cận chúng theo cách tương tự như toán học - hơi quá bị ám ảnh và hoàn toàn tập trung vào nó!

Là một người giành giải thưởng cao quý đồng nghĩa với việc anh cũng trở thành một đại sứ toán học trước xã hội và các nhà lãnh đạo xã hội. Anh sẽ nói gì, chẳng hạn trong một cuộc họp với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Giáo dục?

Có hai sự thật đáng ngạc nhiên mà tôi cho là quan trọng đối với cách nhìn nhận toán học trong xã hội hiện đại.

Thứ nhất, toán học là ngôn ngữ mạnh mẽ nhất để nhân loại thực sự hiểu về thế giới - dù là để tiếp cận kinh tế học, biến đổi khí hậu, kỹ thuật hay khoa học máy tính. Do đó, toán học làm nền tảng cho sự hiểu biết về hầu hết các khía cạnh của cuộc sống hàng ngày của chúng ta và sẽ ngày càng quan trọng khi thế giới và công nghệ trở nên phức tạp hơn, ngay cả khi tác động của toán học không thể nhìn thấy ngay lập tức.

Thứ hai, toán học ứng dụng hay toán học có thể ứng dụng không thể tách rời toán học lý thuyết và trừu tượng. Đối với tôi, thật ngạc nhiên là có rất nhiều khía cạnh của toán học ban đầu được nghiên cứu hoàn toàn vì sự tò mò của trí tuệ, sau này đã trở nên quan trọng đối với thế giới hiện đại. Tương tự, nhiều phát triển trong toán học lý thuyết đã được truyền cảm hứng từ những ý tưởng đến từ thế giới thực. Rõ ràng là nếu toán học trừu tượng được cắt giảm để tập trung cho toán học ứng dụng trực tiếp thì chúng ta sẽ có ít hơn các ứng dụng của toán học vào thế giới thực, vì vậy hai khía cạnh trừu tượng và ứng dụng của toán học cần phải phát triển hài hòa với nhau.

Người dịch: **Phan Thị Hà Dương** (Viện Toán học) và **Nguyễn Văn Nhi** (Quỹ VinIF)

Tin tức hội viên và hoạt động toán học

1. **Giải thưởng Lê Văn Thiêm 2022** đã được trao một thầy giáo và hai học sinh có thành tích xuất sắc sau đây.

- **Thầy Ngô Xuân Ái**, giáo viên THPT chuyên Lam Sơn, Thanh Hoá.

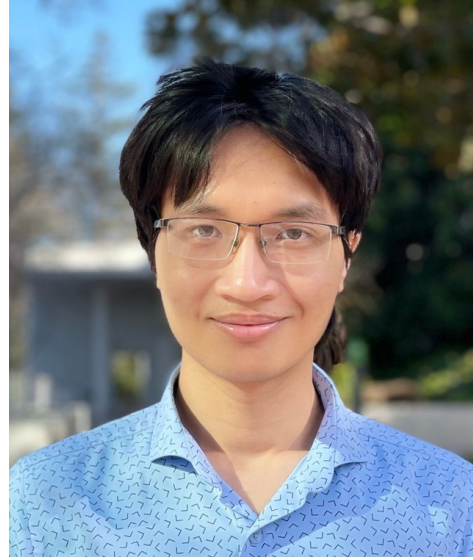
Thầy đã có nhiều đóng góp cho công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi của tỉnh Thanh Hoá. Đặc biệt, thầy có học sinh đạt huy chương vàng IMO 2017 tại Brazil, học sinh đạt giải nhất VMO năm 2013, 2016, 2017 và nhiều giải thưởng cao trong các năm khác. Năm 2022, THPT chuyên Lam Sơn Thanh Hoá của thầy có một học sinh đoạt huy chương bạc IMO.

- **Phạm Việt Hưng**, hiện học lớp 12 Trường THPT chuyên Khoa học tự nhiên – ĐHQG Hà Nội. Năm 2022, khi còn là học sinh lớp 11, bạn Hưng đã đoạt huy chương vàng IMO với kết quả 39/42 điểm.
- **Vũ Ngọc Bình**, hiện nay là sinh viên năm thứ nhất, hệ cử nhân tài năng, ĐHKHTN-ĐHQGHN. Khi còn là học sinh tại Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc, bạn Bình đã hai lần đoạt huy chương đồng IMO, vào các năm lớp 11 (2021) và lớp 12 (2022).

Giải thưởng Lê Văn Thiêm cho học sinh được trao cho những em đạt thành tích xuất sắc trong các năm học phổ thông: đạt giải IMO, hoặc giải cao trong kì thi học sinh giỏi quốc gia cho dù hoàn cảnh gia đình có khó khăn. Tuy nhiên, khi xét giải thưởng, Hội đồng chỉ xem xét các em còn đang học phổ thông, hoặc những em năm thứ nhất ngành Toán. Số giải thưởng tối đa là bốn.

2. Bước vào Xuân Quý Mão 2023, Hội đồng xét giải của Giải thưởng Lê Văn Thiêm cũng như toàn thể cộng đồng toán

học Việt Nam nhận được tin vui là nhà toán học trẻ **Phạm Tuấn Huy** được trao tài trợ nghiên cứu Clay Research Fellowship danh giá của Viện Toán học Clay.



Phạm Tuấn Huy. Ảnh: Viện Toán học Clay.

Phạm Tuấn Huy, từng học THPT chuyên ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, và được trao Giải thưởng Lê Văn Thiêm năm 2013 nhờ thành tích đạt huy chương vàng Olympic Toán Quốc tế (IMO) khi đang là học sinh lớp 11. Năm 2014, anh Huy lại đạt huy chương vàng Olympic Toán Quốc tế (IMO) lần thứ hai.

Sau khi tốt nghiệp phổ thông, anh học đại học và nhận bằng cử nhân Toán học và thạc sĩ Thống kê tại Đại học Stanford, Mỹ (2014 – 2018), bằng thạc sĩ Toán học chương trình xuất sắc tại Đại học Cambridge, Anh (2018 – 2019). Từ năm 2019 làm nghiên cứu sinh tại Đại học Stanford dưới sự hướng dẫn của GS. Jacob Fox, và dự kiến sẽ bảo vệ bằng Tiến sĩ vào năm 2023.

Mặc dù chưa có học vị tiến sĩ, nhưng với công bố của mình, anh đã chứng tỏ

là nhà toán học giỏi và có tiềm năng lớn. Chính vì vậy, ngày 27/1, Viện Toán học Clay thông báo, nhà toán học trẻ của Việt Nam - Phạm Tuấn Huy - được trao học bổng nghiên cứu Clay (Clay Research Fellowship). Theo đó, Phạm Tuấn Huy sẽ được bổ nhiệm làm nghiên cứu viên Clay trong 5 năm, kể từ ngày 1/7/2023.

Trên trang web của mình, Viện Toán học Clay tóm tắt lý do trao tài trợ nghiên cứu như sau:

“Phạm [Tuấn Huy] là một nhà nghiên cứu rất sáng tạo với nhiều ý tưởng, người đã có những đóng góp cơ bản trong lý thuyết tổ hợp, xác suất, lý thuyết số và khoa học máy tính. Khi còn là sinh viên đại học, cùng với Fox và Zhao, anh đã chứng minh rằng định lý sai phân phổ biến của Green - một mở rộng của định lý Roth về cấp số cộng trong các tập con trù mật của tập số nguyên - yêu cầu các chặn kiểu tháp lũy thừa (tower-type bounds). Đây là ứng dụng đầu tiên được biết đến của phương pháp bổ đề đều Szemerédi, trong đó chặn kiểu tháp lũy thừa thực sự cần đến. Sau đó, cùng với Park, anh đã chứng minh giả thuyết Kahn-Kalai về vị

trí của các chuyển pha và giả thuyết Talagrand về các quá trình dò (selector process). Cùng với Conlon và Fox, anh đã giải quyết được một số giả thuyết có từ lâu của Erdős trong Lý thuyết tổ hợp cộng tính liên quan đến các tổng của tập con và các dãy đầy đủ Ramsey. Cùng với Cook và Dembo, anh đã xây dựng một lý thuyết độ lệch lớn phi tuyến tính định lượng cho các siêu đồ thị ngẫu nhiên”.

Những thành tựu nhà toán học trẻ Phạm Tuấn Huy đạt được chỉ trong 8 năm sau khi rời ghế nhà trường phổ thông quả thật rất đáng khâm phục và tự hào.

Học bổng nghiên cứu Clay được trao cho những tài năng trẻ có triển vọng trở thành những nhà nghiên cứu Toán học tiên phong. Phạm Tuấn Huy là một trong 14 Nghiên cứu viên hiện nay của Viện Toán Clay. Trong số 46 người nghiên cứu viên Clay trước đây, có 9 người đã được trao Giải thưởng Fields: June Huh, James Maynard (2022), Peter Scholze, Akshay Venkatesh (2018), Artur Avila 2014, Manjul Bhargava, Maryam Mirzakhani (2014), Elon Lindenstrauss (2010) và Terence Tao (2006).

Tin thế giới

1. Nhà toán học lỗi lạc quốc tịch Nga – Đức **Yuri Manin**, sinh năm 1937, đã qua đời vào ngày 7 tháng 1 năm 2023. Manin là nhà toán học hàng đầu thế giới với những đóng góp lớn lao góp phần định hình toàn bộ toán học hiện đại. Vĩnh biệt Yuri Manin, toán học mất đi một trong những nhân cách thực sự vĩ đại của mình.

Yuri Ivanovich Manin sinh ngày 16 tháng 2 năm 1937 tại Simferopol (Crimea). Ông học vật lý và toán học tại Đại học Quốc gia Lomonosov, nơi ông tốt nghiệp năm 1958.



Yuri Manin và vợ năm 2006. Ảnh: Viện Nghiên cứu Toán Oberwolfach.

Năm 1960, ông nhận bằng phó tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của Igor Shafarevich và năm 1963 nhận bằng tiến sĩ khoa học tại Viện Toán học Steklov ở Moscow, nơi ông là nhà nghiên cứu chính cho đến năm 1992. Sau một năm làm việc tại khoa toán của MIT từ 1992 đến 1993, ông trở thành giám đốc của Viện Toán học Max Planck từ năm 1993.

Những đóng góp quan trọng của Yuri Manin cho toán học bao gồm nhiều chủ đề trong hình học đại số, lý thuyết số và vật lý toán. Ông là tác giả của hơn 300 bài báo khoa học và 11 cuốn sách, là thầy hướng dẫn của khoảng 53 luận án tiến sĩ, nhiều học trò của Manin đã trở thành những nhà toán học xuất chúng. Tên tuổi của ông gắn với những lĩnh vực/vấn đề rất then chốt như liên thông Gauss–Manin, cản trở Brauer–Manin, các giả thuyết Manin–Batyrev về số các điểm hữu tỉ với độ cao bị chặn trên các đa tạp đại số, và nhiều chủ đề then chốt trong vật lý toán.

Với những cống hiến đa dạng của mình, Manin đã nhận được một số giải thưởng và vinh dự, trong số đó có Giải thưởng Lenin 1967, Huy chương Brouwer 1987, Giải thưởng Frederic Esser Nemmers 1994, Giải thưởng Rolf Schock về Toán học 1999, Giải thưởng Quốc tế King Faisal về Toán học 2002, Huy chương Georg Cantor 2002, Huân chương Thành tựu Khoa học và Nghệ thuật Đức năm 2007, Giải thưởng Toán học Quốc tế János Bolyai 2010. Ông là thành viên của 9 Viện Hàn lâm Khoa học và là Thành viên Danh dự của Hội Toán học London. Ông được trao bằng tiến sĩ danh dự của các trường đại học Sorbonne, Oslo và Warwick. (Theo Viện Toán học Max Planck)

2. Giải thưởng Abel 2023 đã được Viện Hàn lâm Khoa học Na Uy trao cho nhà

toán học Mỹ gốc Argentina **Luis Caffarelli** tại Đại học Texas ở Austin (Hoa Kỳ), vì những “cống hiến nền tảng cho lý thuyết chính quy về các phương trình đạo hàm riêng phi tuyến, trong đó có những công trình về bài toán biên tự do và phương trình Monge–Ampère”.



Luis Caffarelli. Ảnh: Nolan Zunk, Đại học Texas ở Austin.

Luis Caffarelli sinh năm 1948 tại Buenos Aires, Argentina, và bảo vệ luận án tiến sĩ vào năm 1972 tại Đại học Buenos Aires dưới sự hướng dẫn của Calixto Calderón. Ông từng là giáo sư của Đại học Minnesota (1975–1983), Viện Toán học Courant tại Đại học New York (1980–1982, 1994–1997), Đại học Chicago (1983–1986), Viện Nghiên cứu cao cấp Princeton (1986–1996), và là giáo sư tại Đại học Texas ở Austin từ 1997. Caffarelli nổi bật vì những công trình sâu sắc cũng như năng lực làm việc phi thường. Ông đã xuất bản khoảng 320 bài báo với 130 cộng tác viên, và hướng dẫn 30 luận án tiến sĩ. Ông được bầu làm thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học Hoa Kỳ từ 1991, và đã được trao giải Rolf Schock năm 2005, giải Steele cho thành tựu trọn đời của Hội Toán học Hoa Kỳ năm 2009, giải Wolf 2012, và giải Shaw 2018. (Thông tin từ Viện Hàn lâm Khoa học Na Uy)

THÔNG TIN TOÁN HỌC, Tập 27 Số 1 (2023)

Các báo cáo mời tại Hội nghị Toán học Toàn quốc lần thứ X.....	1
Hội Toán học Việt Nam	
Tạp chí <i>Vietnam Journal of Mathematics</i>: Thành tựu và thách thức	4
Lê Tuấn Hoa	
Những kỉ niệm về Việt Nam (Phần còn lại)	12
Lê Dũng Tráng <i>Nguyễn Đặng Hồ Hải dịch</i>	
Kỉ niệm về giáo sư Lê Văn Thiêm (1918–1991)	24
Đào Văn Tiên	
Lý thuyết số như là sự kết hợp giữa vẻ giản dị, tầm quan trọng, và sự sâu sắc – Phỏng vấn James Maynard	26
Andrei Okounkov và Andrei Konyav <i>Phan Thị Hà Dương và Nguyễn Vân Nhi dịch</i>	
Tin tức hội viên và hoạt động toán học	31
Tin thế giới	32